



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TIN HỌC**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

4

Tháng 2 - 2008

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN NĂM 2007 BÀN PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2008 CỦA CÔNG ĐOÀN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2008



Đ/c Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng phát biểu tại Hội nghị

BỘ XÂY DỰNG TỔ CHỨC LỄ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ NĂM 2007



Đ/c Nguyễn Văn Liên - Thứ trưởng Bộ Xây dựng trao Giấy chứng nhận và tặng hoa cho các đ/c được công nhận chức danh Phó Giáo sư năm 2007

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM TIN HỌC PHÁT HÀNH
NĂM THỨ CHÍN

4

SỐ 4 - 2/2008



TRUNG TÂM TIN HỌC

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Giới thiệu Nghị định số 13/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 5
- Giới thiệu Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 6
- Giới thiệu Quyết định số 23/2008/QĐ-TTg ngày 04/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ 7
- Giới thiệu Thông tư số 03/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình 8
- Giới thiệu Thông tư số 04/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị 9
- Giới thiệu Quyết định số 100/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về ban hành quy chế lựa chọn và giám sát các tổ chức tư vấn định giá. 10
- Giới thiệu Quyết định số 06/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành "Hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà chung cư" 11
- Giới thiệu Công văn số 190/BXD-KTTC của Bộ Xây dựng hướng dẫn áp dụng giá vật liệu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng 12

Văn bản của địa phương

- Giới thiệu Quyết định số 150/2007/QĐ-UB của 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH
TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH
(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS. HUỖNH PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. TRẦN HỒNG NHUNG

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về Giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2008.

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu dự án: Xi măng Poóc-lăng - Phương pháp phân tích hóa học 15
- Nghiệm thu dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam: Xi măng alumin - Phương pháp phân tích hóa học 17
- Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Nồng độ khí Randon trong nhà - Các mức quy định và yêu cầu chung về phương pháp đo” 18
- Sự phối hợp mang lại lợi ích gì cho quá trình xây dựng 19
- Danh sách các Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận trong tháng 01/2008 22
- Vấn đề quy hoạch xây dựng đô thị phù hợp với điều kiện vi khí hậu địa phương 24

Thông tin

- Tạp chí Quy hoạch xây dựng kỷ niệm 5 năm ngày ra số báo đầu tiên 28
- Công trường Thủy điện Tuyên Quang phát động chiến dịch thi đua, phấn đấu hoàn thành và bàn giao toàn bộ nhà máy vào cuối năm 2008 28
- Tổng Công ty LICOGI tổ chức Lễ ngăn sông công trình thủy điện Bắc Hà 30
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2007 và phương hướng nhiệm vụ năm 2008 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ thiết bị và Kiểm định xây dựng (Coninco) 31
- Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn Bộ Xây dựng tổng kết công tác năm 2007 và triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2008 33
- Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tổng kết công tác năm 2007 và bàn phương hướng hoạt động năm 2008 35
- Tổng Công ty xây dựng Hà Nội tổng kết công tác năm 2007 và bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2008 38
- Lilama 69-1: Làm chủ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, năng động trong cơ chế thị trường 39
- Những thiệt hại và đối sách xử lý việc chậm thanh toán trong xây dựng công trình 41
- Sơ lược về công tác quản lý kế hoạch và tiến độ thi công 43
- **Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet** 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Giới thiệu Nghị định số 13/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

Ngày 04/02/2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2008/NĐ-CP quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh). Theo Nghị định này, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có sở và cơ quan tương đương sở. Các cơ quan không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này bao gồm: Ban quản lý các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các ban quản lý khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có cơ cấu tổ chức theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế, và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cấp trên. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là Giám đốc sở) chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp

luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách. Cấp phó của Giám đốc sở là các Phó Giám đốc sở. Số lượng Phó Giám đốc sở không quá 03 người, riêng số lượng Phó Giám đốc sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh không quá 04 người.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức thống nhất ở các địa phương, gồm Sở Nội vụ (sáp nhập Ban Thi đua-Khen thưởng và Ban Tôn giáo vào Sở Nội vụ), Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Hợp nhất Sở Thủy sản với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và truyền thông (thành lập trên cơ sở Sở Bưu chính, Viễn thông và tiếp nhận chức năng, tổ chức quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Hợp nhất Sở Thể dục thể thao, Sở Du lịch với Sở Văn hóa - Thông tin), Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân.

Các tỉnh có đường biên giới trên bộ, có cửa khẩu quốc tế hoặc quốc gia, hoặc không có đường biên giới nhưng có đủ các tiêu chí theo quy định trong Nghị định này như có các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế cửa khẩu được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và có khu du lịch quốc gia hoặc di sản văn hóa được

UNESCO công nhận, thì được thành lập Sở Ngoại vụ.

Ban dân tộc được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi đảm bảo 2 trong 3 tiêu chí: a) Có trên 20.000 người dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng, làng, bản; b) Có trên 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển; c) Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đồng đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: xây dựng, vật liệu xây dựng, nhà ở và công sở, kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: kết cấu hạ tầng đô thị: cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng, công viên cây xanh, nghĩa trang, rác thải

đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao); phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản.

Riêng tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh của mình trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo và thay thế Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ Quy định tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Ngày 04/02/2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2008/NĐ-CP quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện).

Theo Nghị định này, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng. Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc, cơ quan của sở và cơ quan tương đương sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đặt tại huyện không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.

Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gọi chung là Trưởng phòng) chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách. Cấp phó (Phó Trưởng phòng) của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không quá 03 người. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm... đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban

nhân dân cấp huyện được tổ chức thống nhất ở các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Ngoài 10 cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo Điều 7 của Nghị định này (Phòng Nội vụ, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Y tế, Thanh tra huyện, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân), có một số cơ quan chuyên môn được tổ chức để phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính cấp huyện: ở các quận, các thị xã, thành phố thuộc tỉnh có Phòng Kinh tế, Phòng Quản lý đô thị; ở các huyện có Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Công thương.

Phòng Quản lý đô thị có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiến trúc, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường đô thị, công viên, cây xanh, chiếu sáng, rác thải, bến, bãi đỗ xe đô thị)

Phòng Công thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; thương mại; xây dựng; phát triển đô thị; kiến trúc, quy hoạch xây dựng; vật liệu xây dựng; nhà ở và công sở; hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường đô thị, công viên, cây xanh, chiếu sáng, rác thải, bến, bãi đỗ xe đô thị); giao thông; khoa học và công nghệ.

Về tổ chức các cơ quan chuyên môn ở các huyện đảo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện đảo, tuy nhiên số lượng các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện đảo không quá 10 phòng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 23/2008/QĐ-TTg ngày 04/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 04/02/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 23/2008/QĐ-TTg về việc bổ sung Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long,

Cụ thể: "Đối với các Dự án đắp bờ bao khu dân cư có sẵn thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng

bằng sông Cửu Long đã được triển khai thực hiện trước khi Quyết định nêu trên có hiệu lực thi hành, phù hợp với quy hoạch thủy lợi và quy hoạch kiểm soát lũ của địa phương và toàn vùng thì được sử dụng 100% số vốn ngân sách Trung ương đã phân bổ cho địa phương theo Quyết định số 216/2002/QĐ-TTg ngày 25/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện"

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh, thành

phổ vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long việc thanh toán, quyết toán các Dự án đắp bờ bao khu dân cư có sẵn theo quy định tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư số 03/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

Ngày 25/01/2008 Bộ Xây dựng đã ra Thông tư số 03/2008/TT-BXD hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

Thông tư này hướng dẫn điều chỉnh dự toán những khối lượng thực hiện từ ngày 01/01/2008 của công trình, gói thầu (gọi chung là dự toán xây dựng công trình) sử dụng vốn nhà nước mà Người quyết định đầu tư chưa quyết định thực hiện chuyển tiếp việc Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ. Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng các quy định điều chỉnh dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình đã được lập theo đơn giá xây dựng phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tính theo thang lương thuộc bảng lương A.1.8 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ với mức lương tối thiểu bằng 450.000đồng/tháng được quy định như phụ lục kèm theo Thông tư này.

Các công trình đã lập đơn giá riêng hoặc bảng giá ca máy công trình với mức tiền lương tối thiểu đã được Người có thẩm quyền ban hành, căn cứ nguyên tắc, phương pháp hướng dẫn của Thông tư này để thực hiện điều chỉnh theo mức lương tối thiểu chung, tối thiểu vùng mới.

Việc điều chỉnh giá hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện từ 01/01/2008 theo hợp đồng và các điều kiện đã thỏa thuận ký kết trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng

các bên đã thỏa thuận không điều chỉnh giá trong suốt quá trình thực hiện, Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng có thể thương thảo bổ sung hợp đồng để bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định.

Các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2006 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư sử dụng chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá để điều chỉnh cơ cấu chi phí trong dự toán xây dựng công trình.

Phần II của Thông tư này hướng dẫn nội dung chính trong việc Điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng công trình và Điều chỉnh một số khoản mục chi phí khác.

Điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng theo hướng dẫn này bao gồm: Điều chỉnh chi phí nhân công, Điều chỉnh chi phí máy thi công và Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng (bao gồm chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công theo quy định).

Điều chỉnh một số khoản mục chi phí khác bao gồm: Các khoản mục chi phí như quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lập dự án và thiết kế công trình xây dựng được tính bằng tỷ lệ (%) theo quy định; Điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán khảo sát xây dựng theo Bảng số 2 phụ lục kèm theo Thông tư; Riêng đối với dự toán chi phí trước thuế cho công tác quy hoạch xây dựng đô thị xác định trên cơ sở Định mức chi phí quy hoạch xây dựng ban hành

theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng được nhân với hệ số điều chỉnh KĐCQHXD = 1,25; Đối với dự toán chi phí thực hiện các dịch vụ công ích đô thị căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương do UBND cấp tỉnh hướng dẫn điều chỉnh cho phù hợp.

Việc tổ chức thực hiện hướng dẫn tại Thông tư này được quy định cụ thể như sau:

Đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mà Người quyết định đầu tư chưa quyết định thực hiện việc chuyển tiếp công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2006 của Chính phủ thì: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ hướng dẫn của Thông tư này, các quy định về mức lương tối thiểu chung, tối thiểu vùng mới, các phụ cấp lương hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước của địa phương, Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan của địa phương xác định hệ số điều chỉnh trình UBND tỉnh ban hành áp dụng; các Bộ, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước hướng dẫn việc điều

chỉnh dự toán xây dựng công trình của các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư theo hướng dẫn tại Thông tư này; Chủ đầu tư tổ chức thực hiện và phê duyệt kết quả điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo quy định hiện hành. Đối với công trình xây dựng được lập đơn giá riêng (đơn giá xây dựng công trình), Chủ đầu tư căn cứ vào chế độ, chính sách được Nhà nước cho phép áp dụng ở công trình và nguyên tắc điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng công trình theo hướng dẫn của Thông tư này, xác định mức điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công và các khoản chi phí khác (nếu có) trong dự toán xây dựng công trình.

Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thì việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn trong điểm 4 mục I của Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư số 04/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị

Ngày 20/02/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 04/2008/TT-BXD hướng dẫn hoạt động xây dựng, quản lý và khai thác sử dụng đường đô thị, nhằm đem lại sự thống nhất, đồng bộ trong xây dựng và quản lý, khai thác hệ thống đường trong đô thị (từ đô thị loại V trở lên), qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư, khai thác sử dụng đúng mục đích và nâng cao mỹ quan đô thị.

Riêng việc khai thác và sử dụng đường trên các đường phố có chức năng đặc biệt (phố đi bộ, phố ẩm thực, chợ đêm...) được thực hiện theo các quy định riêng của chính quyền địa phương. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi tham gia các hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng đường đô

thị tại Việt Nam phải tuân thủ Luật Xây dựng, Luật Giao thông đường bộ, các quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Về nguyên tắc quản lý, đường đô thị là một bộ phận của kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị do Nhà nước quản lý và phân cấp quản lý. Việc quản lý đường đô thị nhằm đảm bảo vỉa hè cho người đi bộ, lòng đường thông suốt cho các phương tiện lưu thông.

Thông tư này quy định các hành vi bị cấm đối với hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng đường đô thị như thiết kế, xây dựng đường đô thị không tuân thủ quy hoạch đã được duyệt; tự ý xây dựng, đào bới đường đô thị, tự ý mở đường nhánh hoặc đầu nối trái phép vào

đường chính; sử dụng đường đô thị để họp chợ, kinh doanh ăn uống hay bày hàng hóa, vật liệu; đổ rác thải, phế thải ra đường và các hành vi gây mất vệ sinh môi trường đường đô thị; lấp đất, xây dựng bụi, bệ dất xe, bậc tam cấp vào nhà và công trình bên đường gây ảnh hưởng đến hoạt động của phương tiện giao thông và người đi bộ; lấp đất, xây dựng các công trình, biển quảng cáo, trang trí, đường dây trái phép, ảnh hưởng đến kết cấu đường đô thị, ảnh hưởng đến an toàn giao thông đô thị và gây mất mỹ quan đô thị; xây dựng các công trình trái phép vi phạm chỉ giới đường đỏ, hành lang an toàn của đường đô thị; trồng, giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác trên hè phố, lòng đường không có giấy phép; để xe đạp, xe máy, đỗ ô tô không đúng nơi quy định.

Thông tư này cũng đưa ra các quy định cụ thể về quản lý đường đô thị trong các khía cạnh quy hoạch, thiết kế, xây dựng, bảo trì, quản lý và khai thác đường đô thị.

Theo đó, các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị phải tuân thủ các quy định về quỹ đất dành cho giao thông đô thị theo quy chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành; quy hoạch xây dựng đô thị phải phối hợp với quy hoạch giao thông vận tải, phải tính toán hệ thống bến bãi đỗ xe ... Công tác thiết kế, xây dựng đường đô thị phải tuân thủ quy định trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan, tuân thủ chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch xây dựng được duyệt, phải bố trí các vị trí cho người đi bộ sang đường an toàn và thuận tiện, ưu tiên thiết kế, xây dựng cầu vượt, hầm chui tại các nút giao, đoạn tuyến phố có chiều dài lớn, có lưu lượng qua đường lớn (khu trung tâm, khu phố thương mại)...

Trách nhiệm quản lý đường đô thị theo quy định tại Thông tư này thuộc ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 100/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về ban hành quy chế lựa chọn và giám sát các tổ chức tư vấn định giá

Ngày 6/12/2007, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2007/QĐ-BTC về ban hành quy chế lựa chọn và giám sát các tổ chức tư vấn định giá.

Quy chế được ban hành gồm 4 Phần, 21 Điều với nội dung chính như: Tiêu chuẩn, Điều kiện lựa chọn tổ chức tư vấn định giá; Quản lý, giám sát đối với các tổ chức tư vấn định giá.

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp (gọi tắt là tổ chức tư vấn định giá) cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty cổ phần. Các doanh nghiệp khác có nhu cầu xác định giá trị doanh nghiệp có thể lựa chọn các tổ chức tư vấn định giá theo Quy chế này.

Tổ chức tư vấn định giá theo quy chế này là tổ chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện và được phép thực hiện cung cấp dịch vụ xác định giá trị

doanh nghiệp bao gồm: các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp thẩm định giá, ngân hàng đầu tư trong nước và ngoài nước có năng lực xác định giá trị doanh nghiệp và được lựa chọn để cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của Quy chế này.

Đối với các tổ chức trong nước đăng ký cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Quy chế này và đáp ứng các điều kiện về tổ chức và hoạt động đối với từng loại hình doanh nghiệp; Có quy trình nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với các quy định hiện hành của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Trong thời gian 02 năm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ xin thực hiện dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp mỗi

năm tổ chức phải thực hiện được ít nhất 10 hợp đồng cung cấp dịch vụ thuộc các lĩnh vực thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp; Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực trên. Đối với tổ chức nước ngoài đăng ký cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp phải thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của quy chế này.

Hồ sơ xin công nhận tổ chức tư vấn định giá đối với tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài có nhu cầu cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp được quy định cụ thể ở Điều 5 của Quy chế. Đối với tổ chức nước ngoài, ngoài các tài liệu bắt buộc như đối với tổ chức trong nước thì còn cần thêm tài liệu chứng minh có đủ năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực định giá tài sản, xác định giá trị doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam...

Tổ chức tư vấn định giá không được thực hiện cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp trong các trường hợp sau: Chưa được Bộ tài chính chấp thuận; Là người liên quan với doanh nghiệp được định giá theo quy định tại Điều 4 của luật Doanh nghiệp; Là tổ chức đang thực hiện dịch vụ kiểm toán, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính hoặc đã thực hiện các dịch vụ trên trong năm trước cho doanh nghiệp được định giá.

Bộ Tài chính sẽ đình chỉ có thời hạn hoặc loại ra khỏi danh sách các tổ chức tư vấn định giá theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Quy chế này. Tổ chức tư vấn định giá bị loại ra

khỏi Danh sách các tổ chức tư vấn định giá trong các trường hợp như: bị thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 8 của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật, phản ánh không chính xác không trung thực kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp, thì không được đăng ký lại trong thời hạn 02 năm tiếp theo.

Bộ Tài chính công bố công khai Danh sách các tổ chức tư vấn định giá và Danh sách các tổ chức không được tiếp tục thực hiện hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp bằng văn bản và trên trang tin điện tử của Bộ Tài chính.

Phần III của Quy chế này còn đề cập cụ thể công tác quản lý, giám sát đối với các tổ chức tư vấn định giá với các nội dung quan trọng như: Trách nhiệm của tổ chức tư vấn định giá; Phí xác định giá trị doanh nghiệp; Các chỉ tiêu để Bộ Tài chính giám sát chất lượng cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp...

Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp, soát xét hồ sơ và công khai Danh sách tổ chức định giá doanh nghiệp.

Các tổ chức hiện đang được công nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ đăng ký lại theo quy định tại Quy chế này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.

(Xem toàn văn: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 06/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành "Hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà chung cư"

Hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà chung cư theo Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam TCXDVN 373-2006 được ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-BXD ngày 03/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Hướng

dẫn này áp dụng cho công tác khảo sát và đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà chung cư. Kết quả đánh giá phục vụ cho việc sửa chữa, cải tạo hoặc tháo dỡ công trình nhằm đảm bảo an toàn trong sử dụng.

Trong Hướng dẫn này quy định các bước khảo sát kỹ thuật bao gồm thu thập hồ sơ công trình, khảo sát kỹ thuật công trình (khảo sát sơ bộ và khảo sát chi tiết), lập báo cáo khảo sát

Việc đánh giá và phân loại mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà dựa trên các nguyên tắc như sau:

- Nhà nguy hiểm là nhà mà kết cấu đã bị hư hỏng nghiêm trọng, hoặc có nhiều cấu kiện chịu lực đã thuộc loại cấu kiện nguy hiểm. Nhà nguy hiểm bất kỳ lúc nào cũng có thể bị mất ổn định và mất khả năng chịu lực và vì vậy không đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Để đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà, căn cứ vào đặc điểm cấu tạo và loại kết cấu chịu lực của nó, trước hết phải đánh giá được các cấu kiện nguy hiểm, sau đó đánh giá mức độ nguy hiểm của các bộ phận nhà (tổ hợp từ cấu kiện) bao gồm: nền móng, kết cấu chịu lực phần thân nhà và kết cấu bao che, cuối cùng đánh giá mức độ nguy hiểm của cả nhà.

- Khi phân tích tính nguy hiểm của các cấu kiện, của các bộ phận nhà cần xét xem sự nguy hiểm của chúng là độc lập hay tương quan. Khi tính nguy hiểm của cấu kiện chỉ mang tính chất độc lập, thì không tạo thành nguy hiểm cho cả hệ thống; khi nguy hiểm là tương quan (tức là

có liên quan với nhau) thì phải xem xét mức độ nguy hiểm của cả hệ kết cấu để dự đoán phạm vi ảnh hưởng của chúng.

- Khi phân tích toàn diện, dự đoán tổng hợp, phải xem xét các yếu tố: Mức hư hỏng của các cấu kiện; Vai trò của những cấu kiện hư hỏng trong toàn nhà; Số lượng và tỉ lệ của những cấu kiện hư hỏng so với toàn nhà; ảnh hưởng của môi trường xung quanh; Yếu tố con người và tình trạng nguy hiểm của kết cấu; Khả năng có thể khôi phục sau khi kết cấu bị hỏng và Tổn thất kinh tế do kết cấu bị hỏng gây ra.

Tổng hợp kết quả khảo sát, kết quả đánh giá phân loại mức độ nguy hiểm của nhà để đưa ra các kết luận về mức độ nguy hiểm của bộ phận nhà và của toàn nhà, đồng thời những kiến nghị về biện pháp cần áp dụng: chống đỡ, sửa chữa cấu kiện hoặc bộ phận nhà, tháo dỡ.

Trong Hướng dẫn này cũng đưa ra một số ví dụ tính toán xác định mức độ nguy hiểm của nhà.

Quyết định ban hành "Hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà chung cư" của Bộ trưởng Bộ Xây dựng có hiệu lực thi hành từ ngày 03/01/2008.

(Xem toàn văn: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Công văn số 190/BXD-KTTC của Bộ Xây dựng Hướng dẫn áp dụng giá vật liệu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng

Ngày 28/1/2008 Bộ Xây dựng đã ra Công văn số 190/BXD-KTTC gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp hướng dẫn áp dụng giá vật liệu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2007/NĐ-CP về Quản lý chi phí đầu tư xây

dựng công trình. Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng hướng dẫn áp dụng giá vật liệu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng như sau :

1. Điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã chỉ rõ : "Giá vật liệu xây dựng được xác định phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật liệu sử dụng cho công trình xây dựng

cụ thể. Giá vật liệu xây dựng xác định trên cơ sở giá thị trường do tổ chức có chức năng cung cấp, báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho công trình khác có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự. Giá vật liệu đến chân công trình được tính theo phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình". Tại Điều 33 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng : "Hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng bao gồm tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, định mức và giá xây dựng công trình; ... và các nội dung khác qui định tại Nghị định này".

Căn cứ vào qui định của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, ngày 25/7/2007 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 05/2007/TT-BXD hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Tại điểm a.2.2 Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã quy định : "Giá vật liệu đến hiện trường xây dựng được xác định phù hợp với công trình và gắn với vị trí nơi xây dựng công trình. Giá vật liệu phải hợp lý và phù hợp với mặt bằng giá thị trường nơi xây dựng công trình, xác định trên cơ sở báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho công trình khác có cùng tiêu chuẩn về chất lượng hoặc giá do địa phương công bố và phải đảm bảo tính cạnh tranh. Trong trường hợp vật liệu chưa có trên thị trường hoặc các nhà thầu tự sản xuất vật liệu xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư thì giá vật liệu được lấy theo mức giá hợp lý với điều kiện đáp ứng được các yêu cầu đặt ra về chủng loại, chất lượng, số lượng, tiến độ cung ứng, ... và đảm bảo tính cạnh tranh".

Đối với giá do địa phương công bố thì tại điểm 2.2.4 của Thông tư số 05/2007/TT-BXD đã nêu rõ : "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư này và tình hình cụ thể của địa phương để công bố hệ thống đơn giá xây dựng, giá ca máy

và thiết bị thi công xây dựng, giá vật liệu, ... để tham khảo trong quá trình xác định giá xây dựng công trình".

Vì vậy, đối với công trình xây dựng lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 99/2007/NĐ-CP thì Thông tư Liên tịch số 38/2004/TT-BTC-BXD ngày 26/4/2004 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng hướng dẫn việc thông báo và kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng không còn giá trị thi hành.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt trước ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì thực hiện theo điểm 2 Điều 1 của Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 7/1/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP: "Dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện thì thực hiện theo các qui định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ và các văn bản qui phạm pháp luật khác liên quan. Trường hợp cần thực hiện các qui định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình gồm: tổng mức đầu tư; dự toán xây dựng công trình; định mức và giá xây dựng; hợp đồng trong hoạt động xây dựng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo qui định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP thì Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định".

Căn cứ hướng dẫn trên, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng tổ chức thực hiện theo qui định.

(Công văn số 190/BXD-KTTC Bộ XD)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Giới thiệu Quyết định số 150/2007/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về Giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2008**

Ngày 28/12/2007 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 150/2007/QĐ-UBND ban hành Quy định về Giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2008, nhằm thực thi Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP.

Bản Quy định này bao gồm 3 Chương với 11 Điều với nhiều nội dung quan trọng như Nguyên tắc cụ thể khi định giá các loại đất; Giá các loại đất bao gồm giá đất nông nghiệp, giá đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị (các quận và các thị trấn), giá đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu vực nông thôn (gồm khu vực giáp ranh đô thị, khu vực ven trục đường giao thông chính và các xã nông thôn); Giá đất phi nông nghiệp khác; Giá đất chưa sử dụng.

Giá các loại đất quy định tại quyết định này được xác định làm căn cứ để:

- Tính thuế đối với việc sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất và thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

- Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 35 của Luật Đất đai 2003.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai 2003.

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước

khi doanh nghiệp cổ phần hoá lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai 2003;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế theo quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai 2003.

- Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Quyết định này.

Quy định này không bắt buộc áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai 2003.

Căn cứ vào khả năng sinh lời, khoảng cách tới đường giao thông, đường phố và điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, kinh doanh và cung cấp dịch vụ, các vị trí được xác định theo nguyên tắc: vị trí 1 tiếp giáp trục đường giao thông có tên trong bảng giá có khả năng sinh lợi và điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi hơn các vị trí tiếp theo, các vị trí 2,3,4 theo thứ tự khả năng sinh lợi và điều kiện cơ sở hạ tầng kém thuận lợi hơn.

- Giá đất nông nghiệp được phân theo khu vực, theo vùng quy định tại Bảng 1; Bảng 2,

Bảng 3 và Phụ lục phân loại các xã.

- Giá đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị được xác định cụ thể cho từng đường, phố và từng vị trí quy định tại Bảng 4 đối với các quận, Bảng 5 đối với các thị trấn.

- Giá đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu vực nông thôn gồm khu vực giáp ranh đô thị, khu vực ven trục đường giao thông chính và các xã nông thôn được quy định cụ thể tại Bảng 6, 7, Phụ lục phân loại các xã.

- Giá đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu dân cư nông thôn tại các khu vực còn lại được quy định tại Bảng 8

Những thửa đất, khu vực chưa được xác định trong Bảng giá, Phụ lục ban hành kèm theo quy định này; các trường hợp mới phát sinh do xây dựng đường, phố, khu đô thị mới, giao Sở Tài chính chủ trì cùng các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện xem xét trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Trường hợp trong năm Nhà nước thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp Nhà nước tiến hành cổ phần hoá lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất đã công bố theo nguyên tắc nêu trên còn chưa phù hợp với giá thị trường trong điều kiện bình thường, giao Sở Tài chính chủ trì cùng các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện xem xét trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoặc báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến trước khi quyết định theo thẩm quyền theo nguyên tắc sau:

- Mọi trường hợp điều chỉnh giá đất nông nghiệp phải trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Đối với các loại đất phi nông nghiệp, căn cứ giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường, UBND Thành phố quyết định điều chỉnh giá trong giới hạn cho phép cao hơn hoặc thấp hơn không quá 20% so với mức giá của cùng vị trí, cùng mục đích sử dụng đất đã công bố. Các trường hợp điều chỉnh cao hơn hoặc thấp hơn 20% mức giá của cùng vị trí, cùng mục đích sử dụng đất đã công bố phải lập phương án trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân để quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Sở Tài chính có trách nhiệm định kỳ tổ chức cập nhật biến động giá đất trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân Thành phố để công bố giá đất vào ngày 01 tháng 01 hàng năm; Tổng hợp tình hình và kết quả điều chỉnh giá đất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm chỉ đạo các Phòng Tài chính theo dõi, cập nhật biến động giá đất trên địa bàn, kịp thời báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2008 thay thế Quyết định số 242/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 và Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 28/3/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)



Nghiệm thu dự án: Xi măng Poóc lăng - Phương pháp phân tích hoá học

Công nghệ sản xuất xi măng hiện nay đã phần nào hoà nhập được với công nghệ tiên tiến của các nước trong khu vực và quốc tế nên chất lượng xi măng cũng không ngừng được nâng cao. Yêu cầu về việc kiểm tra chất lượng của loại vật liệu này cũng cần phải thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với sự đa dạng, phong phú về chất lượng cũng như chủng loại xi măng.

Hiện nay xi măng poóc lăng được chia thành hai loại chính : xi măng poóc lăng không có phụ gia khoáng và xi măng poóc lăng có phụ gia khoáng (được phân loại theo TCVN 5439 : 2004 Xi măng - phân loại)

Qua 9 năm áp dụng, tiêu chuẩn TCVN 141 : 1998 Xi măng - Phương pháp phân tích hoá học đã phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chất lượng và sản xuất xi măng trong nước. Tuy nhiên hiện nay chủng loại xi măng rất đa dạng, đặc biệt là xi măng poóc lăng có phụ gia khoáng. Nên một số chỉ tiêu đưa ra trong tiêu chuẩn này đến nay không còn phù hợp và có một số chỉ tiêu cần được bổ sung hoặc thay đổi để phù hợp với tình hình phát triển trong nước, tiến tới hoà nhập với các nước trên thế giới.

Việc nghiên cứu các tiêu chuẩn hiện hành của nước ngoài như : ISO 680: 1990 (E); BS EN 196-2: 2005; ASTM C114; JIS R 5202 - 1999... là các tiêu chuẩn về phân tích hoá học xi măng cho thấy các bản tiêu chuẩn ấy ít hoặc nhiều đều có sự khác nhau về bố cục cũng như nội dung. Đặc biệt tiêu chuẩn BS EN 196 - 2: 2005 được biên soạn lại từ tiêu chuẩn ISO 680 : 1990 (E) nên hai tiêu chuẩn này có sự tương đồng về nội dung và bố cục.

Tiêu chuẩn TCVN 141:1998 soát xét lại tiêu chuẩn 141:1986 dựa trên việc tham khảo tiêu

chuẩn ISO 680:1990(E) nên về mặt bố cục cũng như nội dung nó đã bám sát với tiêu chuẩn quốc tế này. Về cơ bản, bản tiêu chuẩn này tương đối hoàn chỉnh với các phép thử đã được sử dụng trong suốt chín năm qua. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng đã nảy sinh sự không hợp lý về mặt trình bày tiêu chuẩn, thứ tự các chỉ tiêu và qui trình phân tích một số chỉ tiêu cơ bản.

Do đó cần thiết phải soát xét tiêu chuẩn cũ biên soạn thành tiêu chuẩn mới sao cho bố cục và nội dung vẫn phải bám sát các tiêu chuẩn đã ban hành trên thế giới nhưng tương đồng với các tiêu chuẩn trong nước về nội dung, ngôn từ, cách trình bày... cho phù hợp với tình hình tiêu chuẩn trong nước ở giai đoạn này và phù hợp điều kiện các phòng thí nghiệm trong nước, đáp ứng yêu cầu quản lý kiểm tra chất lượng xi măng với những mục đích sau:

- Sửa đổi, thay thế qui trình phân tích một số chỉ tiêu chưa phù hợp, đưa ra qui trình phân tích mới mang tính thống nhất, khoa học và logic, cập nhật được các thông tin tiêu chuẩn quốc tế hiện hành.

- Dễ áp dụng tại các phòng thí nghiệm trong nước hiện có.

- Sắp xếp bố cục, ngôn từ, thuật ngữ phù hợp với hướng dẫn về thể hiện nội dung trình bày tiêu chuẩn của Tổng cục tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng để hoà nhập với hệ thống tiêu chuẩn cùng loại của các nước trong khu vực và thế giới.

Trong quá trình nghiên cứu gắn với thực nghiệm, ngoài việc kế thừa các ưu điểm của tiêu chuẩn cũ, kết hợp với các tiêu chuẩn nước ngoài còn phải phù hợp với tình hình phát triển của ngành xi măng về chất lượng và chủng loại.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn còn có sự kết hợp, tham khảo ý kiến của các nhà máy xi măng, các phòng thí nghiệm với điều kiện trang thiết bị kỹ thuật, hoá chất phổ biến trong nước.

Nội dung TCVN 141 : ... Xi măng poóc lăng - Phương pháp phân tích hoá học về cơ bản cũng bao gồm các phần như tiêu chuẩn TCVN 141: 1998 Xi măng - Phương pháp phân tích hoá học nhưng thứ tự có sự thay đổi như sau:

- Tên tiêu chuẩn: Xi măng Poóc lăng – Phương pháp phân tích hoá học

- Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này quy định phương pháp phân tích hoá học cho các loại xi măng poóc lăng, clanhke xi măng poóc lăng và xỉ lò cao. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho clanhke và xi măng poóc lăng chứa bari.

- Tiêu chuẩn viện dẫn: TCVN 4787 -2001 Xi măng – Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu và TCVN 4851-1989 (ISO 3696 :1987) Nước dùng để phân tích trong phòng thí nghiệm - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.

- Quy định chung: Quy định về độ tinh khiết của hoá chất và tỷ lệ thể tích của hoá chất dùng trong phân tích, cách biểu thị khối lượng riêng, khối lượng thể tích và kết quả; các chỉ tiêu phân tích; cách biểu thị đồ thị chuẩn; giới hạn mức chênh lệch giữa các kết quả phân tích.

- Hoá chất, thuốc thử: Quy định đối với 2 loại hoá chất, thuốc thử là hoá chất rắn, thuốc thử (15 loại) và hoá chất lỏng, thuốc thử (50 loại);

- Thiết bị, dụng cụ: Giới thiệu 20 loại thiết bị, dụng cụ sử dụng cho việc phân tích.

- Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu: Về bố cục để tương đồng với các TCVN khác đã ban hành mới. Mục này sẽ được chia làm hai phần : Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử riêng biệt. Về nội dung bổ sung phần chuẩn bị mẫu thử đối với clanhke xi măng poóc lăng do tiêu chuẩn cũ không có.

- Phương pháp thử (đây là nội dung kỹ thuật chính của bản tiêu chuẩn), gồm: Xác định hàm lượng mất khi nung (MKN); Xác định hàm lượng cặn không tan (CKT); Xác định hàm lượng silic

dioxid (SiO_2) bằng phương pháp nung mẫu với hỗn hợp nung chảy; Xác định hàm lượng silic dioxid (SiO_2) - phương pháp phân huỷ mẫu bằng axit clohydric và amoni clorua (phương pháp thay thế); Xác định hàm lượng của các chất sau: Silic dioxid (SiO_2) hoà tan, silic dioxid (SiO_2) tổng số, sắt oxit (Fe_2O_3), nhôm oxit (Al_2O_3), canxi oxit (CaO), magiê oxit (MgO), anhydric sunfuric (SO_3), sunfua (S), clorua (Cl-), canxi oxit tự do, kali oxit (K_2O) và natri oxit (Na_2O) (bằng thiết bị quang phổ hấp thụ nguyên tử), kali oxit (K_2O) và natri oxit (Na_2O) hoà tan, titan dioxid (TiO_2), mangan oxit (MnO);

Phụ lục A : Xác định hàm lượng kali oxit (K_2O) và natri oxit (Na_2O) bằng máy quang phổ ngọn lửa.

- Báo cáo kết quả thử nghiệm.

Tiêu chuẩn soát xét đã dựa trên sự tham khảo các tiêu chuẩn mới về phương pháp phân tích hoá học xi măng như ISO 680-1990; BS EN 196-2:2005; ASTM114:2000; JIS R 5202: 1999 ... của các quốc gia có nền khoa học công nghệ rất phát triển do đó tiêu chuẩn soát xét có đủ luận cứ khoa học và thực tế. Ngoài ra quá trình soát xét còn tham khảo các tiêu chuẩn trong nước, các tài liệu có liên quan. Do vậy, bản tiêu chuẩn soát xét mới sẽ tiếp thu được những cái mới, bắt kịp với những tiến bộ của khoa học tiên tiến nhưng vẫn rất gần với các tiêu chuẩn trong nước và quen thuộc với các phòng thí nghiệm trên cả nước.

Cách trình bày, bố cục và thuật ngữ của bản dự thảo tiêu chuẩn soát xét hợp lý hơn, khoa học hơn vừa tiếp cận được các tiêu chuẩn quốc tế, vừa thuận tiện cho người sử dụng và phù hợp với qui định của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.

Ngày 10/01/2008, Hội đồng KH-CN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu kết quả của dự án và đánh giá dự án đạt loại xuất sắc.

Huỳnh Phước

Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam: xi măng alumin- phương pháp phân tích hoá học

Tuy xi măng Alumin có bản chất tương tự như xi măng pooc lăng thông thường, nhưng thành phần khoáng chủ yếu là can xi aluminat, nghĩa là về tỷ lệ các hàm lượng của các ôxit trong xi măng alumin hoàn toàn khác biệt so với các loại xi măng thông thường.

Trong bộ tiêu chuẩn Việt Nam, hiện tiêu chuẩn TCVN 141:1998 - Xi măng - Phương pháp phân tích hoá học là tiêu chuẩn dùng để xác định thành phần hoá học của loại xi măng thường. Về mặt kỹ thuật, tiêu chuẩn này tương ứng với các tiêu chuẩn BS 196 và ASTM C114 hay JIS 5202:1999 và rất có ý nghĩa về mặt khoa học. Nó đã đóng góp một phần to lớn trong việc thống nhất một phương pháp phân tích hoá học cho đối tượng mẫu là xi măng pooc lăng và một số đối tượng khác. Tuy nhiên khi áp dụng tiêu chuẩn này cho xi măng alumin, các kết quả phân tích thu được lại không chuẩn xác.

Hiện nay trên thế giới, tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật, phân loại của xi măng alumin có khá nhiều, song tiêu chuẩn về phương pháp thử (phân tích hoá học) riêng cho xi măng alumin thì chưa có và cũng không được đề cập trong các tiêu chuẩn phân loại.

Trước thực trạng nêu trên, thông qua việc thu thập tài liệu và các thông tin khoa học trong và ngoài nước kết hợp với quá trình thực nghiệm lặp lại và có lựa chọn, nhóm đề tài thuộc Viện Vật liệu xây dựng Bộ Xây dựng đã biên soạn dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam "Xi măng Alumin - Phương pháp phân tích hoá học" nhằm đưa ra một quy trình thống nhất trong toàn quốc, có tính khoa học cao và dễ áp dụng tại các phòng thí nghiệm trong nước về phân tích hoá học xác định các thành phần chính trong mẫu xi măng alumin.

Ngoài ra, dự thảo tiêu chuẩn còn góp phần hoàn thiện bộ tiêu chuẩn cấp Nhà nước về sản phẩm xi măng, phục vụ công tác quản lý chất lượng vật liệu xây dựng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Bản tiêu chuẩn được biên soạn theo hình thức quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và hoàn toàn tương đồng với các TCVN về phân tích hoá học mới nhất.

Nội dung của dự thảo TCVN Xi măng Alumin - Phương pháp phân tích hoá học gồm các phần sau:

- Phạm vi áp dụng tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn này quy định phương pháp phân tích hoá học để xác định các thành phần chủ yếu trong xi măng alumin theo phân loại về xi măng alumin (TCVN....2006 - Xi măng Alumin).

- Tài liệu viện dẫn: Nhóm đề tài đã sử dụng một số tài liệu, tiêu chuẩn trong và ngoài nước làm cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu và xây dựng dự thảo tiêu chuẩn đồng thời cũng kết hợp với thực nghiệm theo nhiều hướng khác nhau để tìm ra phương pháp tối ưu nhất để có thể áp dụng với điều kiện phòng thí nghiệm hiện có.

- Yêu cầu chung cho công việc thử nghiệm: Bao gồm các quy định chung cho các phương pháp thử được nêu.

- Hoá chất, thuốc thử: Để thực hiện dễ dàng, các công tác chuẩn bị về hoá chất và thuốc thử được biên soạn trong phần hoá chất, thuốc thử khá kỹ, gồm cả các phần về pha dung dịch tiêu chuẩn, dung dịch gốc và dung dịch tiêu chuẩn làm việc. Đây cũng là việc làm quen thuộc đối với người làm phân tích hoá ướt và tương đồng với các tiêu chuẩn về phân tích hoá đã ban hành.

- Thiết bị, dụng cụ: Để thực hiện phân tích định lượng các thành phần hoá học chính có trong mẫu xi măng alumin, ngoài các thiết bị dụng cụ cơ bản và thông dụng của một phòng thí nghiệm hoá, dự thảo tiêu chuẩn còn đề xuất các thiết bị hiện đại định lượng nguyên tố ở hàm lượng nhỏ như: Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS), máy so màu (quang phổ hấp thụ phân tử) với các yêu cầu kỹ thuật cần thiết cho các phép xác định silic dioxit, sắt (III) oxit, titan oxit, natri oxit, kali oxit và manhe oxit.

- Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử: Mẫu thử dùng cho phân tích hoá học được lấy theo các quy định về lấy và chuẩn bị mẫu theo TCVN 4787:2001 - Xi măng - Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu.

- Phương pháp thử:

Trong phân tích hoá ướt, phân giải mẫu thử là quá trình xử lý chuyển hoá mẫu về trạng thái dung dịch. Đây là quá trình hết sức quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến các bước phân tích tiếp theo. Với mỗi loại đối tượng và yêu cầu phân tích khác nhau, tương ứng có cách phân giải mẫu khác nhau. Quá trình phân giải mẫu phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản, như: Lấy được hoàn toàn chất cần phân tích; không gây nhiễm bẩn vào mẫu từ bất cứ nguồn nào và kết quả xử lý mẫu phải phù hợp với phương pháp phân tích đã chọn.

Phương pháp phân giải mẫu thử được nhóm đề tài lựa chọn cho tiêu chuẩn đều đã đáp ứng được tất cả những yêu cầu nêu trên.

Đề tài đã tiến hành xác lập các phương pháp xác định các chỉ tiêu sau cho mẫu thử: Xác lập hàm lượng mất khi nung; phân giải mẫu thử; xác lập hàm lượng các chất sau: Silic dioxit (SiO_2), sắt (III) oxit (Fe_2O_3), nhôm oxit (Al_2O_3), canxi oxit (CaO), magie oxit (MgO), anhydric sunfuric (SO_3), kali oxit (K_2O), natri oxit (Na_2O), titan oxit (TiO_2).

Đề tài đã trích dẫn, viện dẫn từ các TCVN cho một số các chỉ tiêu thử: Hàm lượng mất khi nung, hàm lượng các chất anhydric sunfuric (SO_3), kali oxit (K_2O) và natri oxit (Na_2O).

Với các chỉ tiêu khác, có các phần: Nguyên tắc của phương pháp thử, phân giải mẫu, cách tiến hành và tính toán kết quả thử.

Ngày 10/01/2008 Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu kết quả của dự án và đánh giá dự án đạt loại xuất sắc.

Huỳnh Phước

Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Nồng độ khí Radon trong nhà- Các mức quy định và yêu cầu chung về phương pháp đo”

Ngày 28/01/2008, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Nồng độ khí Radon trong nhà - Các mức quy định và yêu cầu chung về phương pháp đo” do TS.Tạ Minh Hoàng - Viện Vật liệu Xây dựng (VLXD) làm chủ nhiệm dự án

Radon là một loại khí trơ, phóng xạ tự nhiên thường gặp trong đất, đá và nước ở khắp nơi. Báo cáo của Viện Khoa học Quốc gia Mỹ (NAS) cho thấy, khí Radon trong nhà là nguyên nhân chủ yếu thứ hai gây ung thư phổi tại Mỹ, chỉ sau hút thuốc lá. Ở nhiều nước trên thế giới, người ta quan tâm đến việc điều tra đánh giá sự tồn tại của Radon trong tự nhiên, nhất là sự tích lũy của nó trong nhà ở nhằm mục đích bảo vệ sức khoẻ con người. Tuy nhiên, nước ta chưa có quy định cũng như phương pháp kiểm tra nồng

độ khí Radon trong nhà. Vì vậy, việc xây dựng quy định về nồng độ khí Radon trong nhà nhằm kiểm soát, tạo môi trường sống và làm việc an toàn là cần thiết.

Để bảo vệ sức khoẻ con người, tránh được tác hại do khí Radon gây ra, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện VLXD biên soạn tiêu chuẩn “Nồng độ khí Radon trong nhà - Các mức quy định và yêu cầu chung về phương pháp đo”. Đây được coi là căn cứ để kiểm soát việc xây dựng, sử dụng các công trình nhà có nồng độ khí Radon ở mức gây nguy hiểm cho con người, đưa ra định hướng cho các nhà thiết kế, xây dựng và quản lý các công trình nhà ở và nhà làm việc. Nó còn là căn cứ phân định khi có khiếu kiện về mức độ an toàn nồng độ khí Radon trong công trình trong quá trình sử dụng.

Nội dung dự thảo tiêu chuẩn gồm 5 phần, sử

dụng IEC 61577-2:2000 “Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo Radon và các sản phẩm phân rã của Radon” làm tài liệu viện dẫn. Tiêu chuẩn này đưa ra các mức quy định nồng độ khí Radon tự nhiên trong nhà, bao gồm mức hành động, mức khuyến cáo và mức phấn đấu. Theo đó, nồng độ Radon trong nhà quy định giảm dần theo các mức, mức phấn đấu là mức thấp nhất có thể đạt được bằng các giải pháp kỹ thuật và theo nguyên tắc “nguy cơ phơi nhiễm càng thấp càng tốt” (ALARA) và là mức có nguy cơ thấp nhất đối với sức khỏe con người. Tuy nhiên, nếu sau khi đã áp dụng tất cả các giải pháp giảm thiểu mà nồng độ khí Radon tự nhiên nằm trong nhà vẫn ở mức hành động thì phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

Nguyên tắc đo nồng độ khí Radon tự nhiên trong nhà được xác định bằng cách đo tổng

alpha của khí Radon và các sản phẩm phân rã Radon trong không khí trong nhà bằng các thiết bị thích hợp, dựa trên phương pháp đo ngắn hạn và đo dài hạn. Yêu cầu đối với vị trí các điểm đo cần tuân theo các quy định cụ thể, sau đó tính toán và lập báo cáo kết quả.

Nhìn chung, dự thảo tiêu chuẩn “Nồng độ khí Radon trong nhà - Các mức quy định và yêu cầu chung của phương pháp đo” đã đạt được mục tiêu đề ra, bố cục được trình bày theo đúng quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện, tác giả đã dựa trên các kết quả thí nghiệm thực tế và tham khảo các tiêu chuẩn, quy định của quốc tế liên quan tới việc đo nồng độ khí Radon, đáp ứng được xu thế hội nhập quốc tế. Dự thảo tiêu chuẩn đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Nguyễn Hồng Trang

Sự phối hợp mang lại lợi ích gì cho quá trình xây dựng?

Trong hai thập niên gần đây, ngành xây dựng thường gặp phải những vụ kiện tụng liên quan đến các dự án, kể cả những dự án trong lĩnh vực xây dựng đường ống dẫn khí. Thường thì các chủ dự án luôn tìm cách giảm thiểu rủi ro của chính mình bằng cách chuyển phần rủi ro đó cho các nhà thầu thông qua hợp đồng.



Tuy nhiên, có một số chủ dự án khác đã học tập và áp dụng mô hình "phối hợp" được coi là thành công với tư cách là một công cụ quản lý rủi ro. Mô hình này đã được sử dụng phổ biến ở Mỹ trong 10 năm qua, nhất là

trong các dự án lớn như dự án xây dựng đường tàu điện ngầm Second Avenue ở Manhattan và dự án Đường trục chính Central Artery ở Boston.

Nhiều cơ quan quản lý đấu thầu đã từng sử dụng mô hình "phối hợp" đối với các dự án xây dựng công trình đã khẳng định mô hình này mang đến nhiều thành công. Sự cộng tác rất có lợi đối với các nhà thầu ở chỗ mô hình này sẽ giúp nhà thầu giảm thiểu những mơ hồ về gói thầu thông qua việc làm cho nhà thầu nhận thức rõ hơn về vị trí của chủ dự án cũng như những yêu cầu của dự án, từ đó dẫn đến giảm được giá thầu. Mô hình này còn tạo điều kiện để điều chỉnh quy trình giúp cho dự án được phê duyệt nhanh hơn. Và cuối cùng, quy trình này giúp cho tất cả các bên nắm bắt thông tin tốt hơn và hiểu nhau hơn.

Sự phát triển của mô hình "phối hợp"

Mô hình "phối hợp" khởi đầu rất muộn, khi những người vướng vào quá trình kiện tụng bắt đầu nhận thức được tính hiệu quả của việc sử dụng phương pháp này để giải quyết tranh chấp. Trong báo cáo tổng kết về tình hình tư pháp tháng 2/1984, Chánh án tòa án tối cao của Mỹ Warren E. Burger đã nhấn mạnh: tổ

tiên chúng ta từ xưa đã dần dần thoát ly khỏi việc giải quyết tranh chấp bằng cách chiến đấu và các phương pháp man rợ khác, và chúng ta cần tránh phụ thuộc hoàn toàn vào việc đấu tranh với đối thủ như là một phương pháp giải quyết mọi tranh chấp. Hệ thống của chúng ta quá đắt giá, dễ bị tổn thương, dễ bị hủy hoại và không đem lại kết quả tương xứng đối với nhân loại văn minh. Dựa vào quá trình đấu tranh như là một công cụ chủ yếu để giải quyết các xung đột là một sai lầm cần phải sửa chữa.

Lester Edelman - cố vấn trưởng của Hiệp hội Kỹ sư xây dựng quân sự Mỹ trong những năm cuối thế kỷ XX là người đã nhận thấy vấn đề và mong muốn một sự thay đổi. Để giải quyết vấn đề, Edelman và nhóm của ông đã bắt đầu nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp thay thế để giải quyết các vụ tranh chấp. Thông qua nghiên cứu, nhóm này đã tìm ra các phương pháp giải quyết tranh chấp như xem xét trách nhiệm, hoà giải, đơn giản hóa và những phương pháp phối hợp khác. Điều mà Edelman tâm đắc là kỹ thuật này tránh được vấn đề người thắng/kẻ thua bằng cách loại bỏ quá trình tranh tụng trước tòa - Hiệp hội và các nhà thầu có thể phối hợp với nhau cho đến khi cả hai bên đạt đến một thỏa thuận, tất cả vì quan hệ hợp tác làm ăn với nhau.

Hiệp hội đã thử áp dụng kỹ thuật này đối với một số trường hợp, trong đó đại diện của Hiệp hội, đại diện của nhà thầu và một bên thứ 3 là trung gian sẽ ngồi lại với nhau để cùng nghe các tình tiết tranh chấp. Những người có mặt sẽ đưa ra chứng cứ cũng như quan điểm của mình nhưng hoàn toàn không có việc đối chứng hay phán xử. Sau khi nghe các bằng chứng, các bên sẽ đàm phán với nhau để đạt đến một thỏa thuận. Sử dụng phương pháp này, Hiệp hội đã đưa ra một kết luận có lợi cho dự án đường thủy Tennessee-Tombigbee của mình, giải quyết êm thấm vụ việc với kinh phí 15,5 triệu USD thay vì 55 triệu USD theo yêu cầu đòi bồi thường ban đầu.

Lấy kinh nghiệm từ đó, Hiệp hội đã tổ chức các chương trình tập huấn và chuyển giao kinh nghiệm cũng như kỹ năng giải quyết tranh chấp

cho các tổ chức thành viên của Hiệp hội. Quá trình này đã phát triển từ giải quyết tranh chấp sang loại trừ các tranh chấp và sau cùng phát triển thành phương pháp "phối hợp"

Sự khác nhau giữa thỏa thuận và hợp đồng

Từ những bước đầu tiên đó, Hiệp hội đã phát triển một khái niệm về "sự phối hợp" đối với các dự án xây dựng.

Sự phối hợp tạo ra các mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân, các nhà thầu và khách hàng bằng cách thiết lập nhóm công tác, chia sẻ rủi ro và vì các lợi ích chung. Mấu chốt của vấn đề phối hợp là việc tổ chức một hội thảo ngay từ sớm để các bên tham gia có thể làm việc với nhau xây dựng niềm tin và xác định các lợi ích chung, mở rộng trao đổi thông tin.

Khiếm khuyết dễ thấy nhất của mô hình "phối hợp" chính là tính pháp lý. Mô hình này không thể làm thay đổi các nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên đã được nêu trong hợp đồng. Mô hình "phối hợp" sẽ tác động đến một hợp đồng khác đó là hợp đồng hàm ý tất cả các bên của dự án phải tham gia, ví dụ như mỗi bên đều có nghĩa vụ hoàn thành dự án một cách tốt nhất, chuyên nghiệp nhất, việc thành lập tổ công tác là rất cần thiết để mang lại thành công.

Trước hết, cần có sự phối hợp để xác định và làm rõ những rủi ro của dự án ở bình diện tổng thể. Có rất nhiều ví dụ về sự phối hợp thành công trong các dự án xây dựng, và trong hầu hết các trường hợp, hoạt động phối hợp đều nằm trong khuôn khổ các quy tắc hướng dẫn của Hiệp hội. Nói cách khác, sự hợp tác thành công mới chỉ hạn chế ở việc nghiên cứu cẩn thận và bàn bạc kỹ lưỡng các điều khoản của hợp đồng thay vì nỗ lực làm thay đổi hợp đồng. Những thay đổi về hợp đồng là cần thiết thông qua một quyết định có ý thức của tất cả các bên mong muốn đàm phán lại các khía cạnh của hợp đồng, và việc đàm phán này hoàn toàn tách biệt với các hội thảo phối hợp.

Khi nào phối hợp phát huy hiệu quả?

Sự phối hợp một phần là quá trình xác định các rủi ro đối với dự án và tìm biện pháp để

quản lý các rủi ro đó. Trong quá trình này có một tiềm năng to lớn để thiết lập nhóm công tác đại diện cho lợi ích của tất cả các bên tham gia dự án. Sự phối hợp đã nhanh chóng được chấp nhận áp dụng trong các lĩnh vực xây dựng dân dụng, thiết kế và đấu thầu. Tuy nhiên các chủ dự án thường không tự nguyện hưởng ứng quá trình này, ít nhất là trong những năm đầu tiên.

Một nguyên nhân của sự không tự nguyện của các chủ dự án có thể là do thiếu sự nỗ lực phối hợp giữa các ngành và chính quyền nhằm cải tổ công tác này trong quá trình xây dựng. Tuy nhiên, có một sự đồng thuận rằng sự phối hợp có khả năng đem lại những kết quả tốt hơn so với biện pháp truyền thống. Những lợi ích của sự phối hợp bao gồm:

- Giảm khiếu kiện
- Nâng cao hiệu quả của dự án ở các mặt chi phí, thời gian và chất lượng
- Giảm chi phí hành chính và chi phí tư pháp
- Tăng cường cơ hội cho sự sáng tạo và kỹ thuật
- Tăng cường cơ hội cho thành công về mặt tài chính

Một ví dụ về sự phối hợp đã đem lại những thành công lớn đó là dự án chuyển đổi năng lượng quy mô lớn ở thành phố New York. Trong giai đoạn thành phố này phải gánh chịu sự khủng hoảng tài chính ở giữa thập niên 1970, Công ty Điện lực thành phố đã đề ra một kế hoạch thay thế hệ thống dịch vụ cấp điện 25Hz bằng một hệ thống mới hiệu quả hơn, tuy nhiên kế hoạch này không được thực hiện cho tới năm 1998, tức là gần 20 năm sau. Do hệ thống này cung cấp điện cho tàu điện ngầm nên việc chậm trễ chuyển đổi hệ thống điện đã dẫn đến việc hình thành một hợp đồng 16 triệu USD có tính đặt cược cao giữa Công ty vận tải hành khách New York (NYCT) và Công ty điện lực thành phố với điều khoản bồi thường 1 triệu USD/ tháng cho những thiệt hại do chậm tiến độ.

Nhận thấy một việc rất quan trọng đối với tất cả các bên liên quan là phải hợp tác với nhau để giải quyết vấn đề, nhà thầu và nhà sản xuất thiết bị đã thống nhất ủng hộ sự phối hợp trong

tất cả các hợp đồng ký kết với Công ty NYCT. Điểm mấu chốt tạo ra sự phối hợp thành công này chính là có sự tham gia của Công ty điện lực.

Để bắt đầu quá trình phối hợp, tất cả các bên tham gia dự án đã dự một hội thảo phối hợp sau hội nghị khởi động dự án. Hội thảo này được dẫn dắt bởi một người dẫn chương trình không thuộc các bên liên quan nhằm tạo môi trường khuyến khích sự trao đổi thẳng thắn các suy nghĩ, nơi các bên tham gia có thể tìm kiếm được giải pháp kỹ thuật tốt nhất để giải quyết các vướng mắc của dự án, tăng cường đối thoại và hiểu biết lẫn nhau cũng là một mục tiêu quan trọng của hội thảo này.

Một thành quả to lớn mà hội thảo này thu được chính là sự cam kết của Công ty điện lực là sẽ triển khai thi công hệ thống đường điện song song với tiến độ công việc của nhà thầu thay vì lắp đặt đường điện sau khi nhà thầu hoàn tất công việc như trước đây. Cam kết này là kết quả trực tiếp từ việc đối thoại giữa các bên, thúc đẩy mỗi bên đưa ra những giải pháp kỹ thuật tốt nhất chứ không chỉ đơn thuần đánh giá vai trò của các bên theo quy định trong hợp đồng.

Sự phối hợp trong các dự án xây dựng đường ống dẫn khí

Việc đưa các bên ngồi vào bàn đàm phán với tinh thần hợp tác sẽ giúp cho quá trình thực hiện dự án đạt hiệu quả cao hơn, tạo ra mối quan hệ kinh doanh tốt hơn, và quan trọng hơn cả là tạo ra sản phẩm cuối cùng có chất lượng tốt nhất. Vì vậy, ngành xây dựng đường ống dẫn khí cũng có thể thu được những lợi ích đáng kể từ việc sử dụng mô hình "phối hợp" như là một công cụ để quản lý dự án. Sự phức tạp của các hợp đồng, nhu cầu của khách hàng và sự khan hiếm về máy móc, lao động và chuyên gia để thực hiện công việc cộng với các vấn đề về môi trường, yêu cầu về chất lượng, thiếu vật liệu... khiến cho các dự án xây dựng đường ống dẫn khí trở thành ứng viên cho sự phối hợp thành công.

Jim Keil - Công ty tư vấn Stantec
ND: Trần Hồng Nhung

Đanh sách các Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận trong tháng 01/2008

Trong tháng 01/2008 đã có 22 Phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra Quyết định công nhận và đi vào hoạt động.

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN thuộc Công ty CP tư vấn khảo sát địa chất công trình - thủy văn - Tổ 14 Đà Sơn-Hoà Khánh Nam, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 614	QĐ số 10/QĐ-BXD ngày 07/01/2008 có hiệu lực đến: 30/12/2010
2	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH tư vấn XD Đông Dương Đường1A- P.Ninh Phong, Tp. Ninh Bình- Tỉnh Ninh Bình	LAS-XD 615	QĐ số 11/QĐ-BXD ngày 07/01/2008 có hiệu lực đến: 30/12/2008
3	Phòng kỹ thuật và thử nghiệm thuộc Chi Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng Quảng Trị Số 43 Lê Lợi, Thị xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	LAS-XD 81	QĐ số 12/QĐ-BXD ngày 07/01/2008 có hiệu lực đến: 01/01/2011
4	Trung tâm thí nghiệm VL và kiểm định chất lượng công trình thuộc C ty cổ phần tư vấn và kiểm định Hải Hậu Số 504 Điện Biên Phủ -Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 616	QĐ số 13/QĐ-BXD ngày 07/01/2008 có hiệu lực đến: 30/12/2010
5	Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm định chất lượng công trình thuộc C ty cổ phần tư vấn kiểm định XD Quốc tế Số 198/9 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Q.Gò Vấp, Tp. HCM	LAS-XD 203	QĐ số 24/QĐ-BXD ngày 08/01/2008 có hiệu lực đến: 05/01/2011
6	Trung tâm tư vấn TN kiểm định chất lượng xây dựng thuộc C ty CP Mỹ Đình Số 214 Ung Văn Khiêm, P.25, Bình Thạnh, Tp. HCM	LAS-XD 265	QĐ số 25/QĐ-BXD ngày 08/01/2008 có hiệu lực đến: 05/01/20 11
7	Phòng TN Địa kỹ thuật và kiểm định công trình XD thuộc Cty cổ phần tư vấn thiết kế XD Trường An Số D2P3 Khu B Đại học Mỏ -Địa chất- Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	LAS-XD 618	QĐ số 42/QĐ-BXD ngày 10/01/2008 có hiệu lực đến: 05/01/2011
8	Phòng TN kiểm định chuyên ngành XD và GT thuộc Cty TNHH xây dựng công trình giao thông 481 Số 33 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	LAS-XD 620	QĐ số 63/QĐ-BXD ngày 15/01/2008 có hiệu lực đến: 10/01/2011
9	Phòng TN chuyên ngành xây dựng thuộc Cty CP tư vấn XD Toàn Phát Đường Lê Duẩn, Thị trấn Hồ Xá- Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị	LAS-XD 617	QĐ số 64/QĐ-BXD ngày 15/01/2008 có hiệu lực đến: 10/01/2011
10	Phòng TN cơ học đất thuộc Cty CP tư vấn và XD công trình Miền Trung Số 141A Đường Nguyễn Du, Tp. Hà Tĩnh.	LAS-XD 619	QĐ số 65/QĐ-BXD ngày 15/01/2008 có hiệu lực đến: 10/01/2 011

- | | | | |
|----|--|------------|---|
| 11 | Phòng TN Địa kỹ thuật và VLXD thuộc Cty CP tư vấn & chuyển giao công nghệ XD Hà Nam
Số 149- Đường Bắc Đài Truyền hình - P.Trần Hưng Đạo, Thị xã Phủ Lý- Tỉnh Hà Nam | LAS-XD 622 | QĐ số 67/QĐ-BXD ngày 15/01/2008
có hiệu lực đến: 10/01/2011 |
| 12 | Phòng TN chất lượng vật liệu, cấu kiện và kết cấu công trình thuộc Cty TNHH tư vấn đầu tư XD Bắc Hưng Hải
P.1307-CT9 Khu Đô thị mới Định Công, P.Định Công, Hoàng Mai, HN | LAS-XD 621 | QĐ số 68/QĐ-BXD ngày 15/01/2008
có hiệu lực đến: 10/01/2011 |
| 13 | Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và XD Phú Yên
Nhà A68 Khu Đô thị mới Hưng Phú, P.5, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên | LAS-XD 623 | QĐ số 131/QĐ-BXD ngày 23/01/2008
có hiệu lực đến: 25/01/2011 |
| 14 | Trung tâm TN Thuỷ Lợi miền Trung thuộc Cty CP xây dựng 25
Tổ 21, P.Quảng Phú, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi | LAS-XD 161 | QĐ số 132/QĐ-BXD ngày 23/01/2008
có hiệu lực đến: 25/01/2011 |
| 15 | Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Trung tâm TN và khảo sát XD Bạch Đằng
Số 268 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng | LAS-XD 09 | QĐ số 133/QĐ-BXD ngày 23/01/2008
có hiệu lực đến: 25/01/2011 |
| 16 | Phòng TN VLXD công trình thuộc Cty CP tư vấn KĐ công trình XD 207
Số 1E Dã Tượng, P. Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Dương | LAS-XD 624 | QĐ số 146/QĐ-BXD ngày 25/01/2008
có hiệu lực đến: 25/12/2011 |
| 17 | Công nhận bổ sung khả năng thực hiện các phép thử của Phòng TN VLXD và KĐ chất lượng công trình thuộc Cty CP An Sinh
Số 4 P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, HN | LAS-XD 461 | QĐ số 147/QĐ-BXD ngày 25/01/2008
có hiệu lực đến: 15/9/2009 |
| 18 | Phòng TN Cơ học đất thuộc Cty CP tư vấn XD Thuỷ Lợi Sơn La
Số 186 Đ.Nguyễn Lương Bằng, TX Sơn La, Tỉnh Sơn La | LAS-XD 327 | QĐ số 161/QĐ-BXD ngày 30/01/2008
có hiệu lực đến: 25/01/2011 |
| 19 | Phòng TN chất lượng xây dựng thuộc Cty CP tư vấn TK XD Ninh Thuận
Đường 16/4 TP. Phan Rang, Tỉnh Ninh Thuận | LAS-XD 153 | QĐ số 162/QĐ-BXD ngày 30/01/2008
có hiệu lực đến: 25/01/2011 |
| 20 | Phòng TN Địa chất CT thuộc XN khảo sát Tổng hợp Miền Nam
Số 45 Đường Dân Chủ, P. Bình Thọ- Q. Thủ Đức, Tp. HCM | LAS-XD 332 | QĐ số 163/QĐ-BXD ngày 30/01/2008
có hiệu lực đến: 25/01/2011 |

- | | | | |
|----|---|------------|---|
| 21 | Phòng TN Địa kỹ thuật thuộc Cty CP tư vấn xây dựng VINA MEKONG (VMEC)
Số 33/1A4 Đặng Văn Ngữ, P.10, Q.Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh | LAS-XD 625 | QĐ số 164/QĐ-BXD ngày 30/01/2008
có hiệu lực đến: 25/01/2011 |
| 22 | Phòng TN cơ lý bê tông và các vật liệu thành phần thuộc Cty Liên doanh xây dựng & VLXD SUNWAY Hà Tây Số 17C Ba La, Hà Đông, Hà Tây | LAS-XD 627 | QĐ số 175/QĐ-BXD ngày 31/01/2008
có hiệu lực đến: 30/01/2011 |

Huỳnh Phước

Vấn đề quy hoạch xây dựng đô thị phù hợp với điều kiện vi khí hậu địa phương

Việt Nam là nước thuộc vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Những đặc điểm của khí hậu nhiệt đới có những yếu tố thuận lợi nhưng cũng có những yếu tố bất lợi đối với hoạt động của con người tại các đô thị. Đặc điểm môi trường vi khí hậu đô thị không chỉ có tác động đối với sức khỏe của con người mà còn ảnh hưởng đến các thành tố môi trường tự nhiên – nhân tạo khác cũng như năng suất, hiệu quả của các lĩnh vực hoạt động tại đô thị, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Trong quá trình thiết kế đồ án QHXD, yếu tố khí hậu là 1 khía cạnh nghiên cứu không thể thiếu và luôn được đặt lên đầu tiên trong nghiên cứu các yếu tố tự nhiên – hiện trạng. Tuy nhiên vai trò và tầm quan trọng của khía cạnh này còn bị coi nhẹ so với các khía cạnh khác như kinh tế, kỹ thuật hoặc bố cục kiến trúc – cảnh quan. Trong phần đánh giá hiện trạng, hầu như các đồ án chỉ nêu đặc điểm khí hậu mà không có đánh giá các mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của con người và các công trình xây dựng (vi khí hậu trong công trình, tác động đến chất lượng kết cấu, vật liệu...); không phân tích các yếu tố, thành phần không gian kiến trúc – cảnh quan tại khu vực quy hoạch (hoặc nằm ngoài khu vực quy hoạch) có ảnh hưởng làm thay đổi các số liệu và điều kiện vi khí hậu của khu vực. Trong giải pháp tổ chức cơ cấu, thường chỉ quan tâm đến hướng gió và giải pháp cách ly khi có nguồn gây ô nhiễm “các khu cụm công nghiệp hoặc công trình xử lý nước thải, môi trường...”. Khi đề xuất các giải pháp phân khu chức năng và tổ chức các trục tuyến không

gian đô thị, đặc điểm hướng gió, hướng nắng chưa được coi trọng đúng mức. Trong tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan, yếu tố vi khí hậu hầu như chỉ được chú ý sử dụng làm một trong những căn cứ cho việc bố trí hướng chính của công trình (nhằm tạo vi khí hậu cho công trình tốt) mà không chú ý đến vấn đề cải thiện vi khí hậu ngoài nhà bằng giải pháp bố cục công trình và tổ chức sân vườn.

Một số điểm yếu về việc tạo lập vi khí hậu trong bố cục kiến trúc – quy hoạch có thể là:

- Việc phân khu các khu chức năng, các nhóm quần thể nhà vẫn coi trọng yêu cầu về công năng và ý đồ bố cục kiến trúc mà chưa coi trọng yêu cầu tạo lập vi khí hậu toàn khu trên cơ sở tương quan giữa các khu. Chưa chú ý đến tác dụng che chắn gió của cụm cao tầng đối với cụm thấp tầng phía sau hướng gió chính.

- Chưa khai thác phát huy triệt để vai trò, tác dụng cải thiện vi khí hậu của mặt nước. Các phương án QHXD thường chỉ tận dụng, cải tạo mặt nước tự nhiên hiện trạng mà ít mạnh dạn đề xuất mặt nước nhân tạo mới. Chưa tạo được mối quan hệ hữu cơ giữa không gian mặt nước với các không gian xây dựng khác trong việc cải thiện vi khí hậu khu vực.

- Về bố cục kiến trúc công trình, có nhiều trường hợp khoảng cách giữa các nhà không đảm bảo làm che khuất gió công trình phía sau. Một số nhóm nhà cao tầng bố cục kiểu cụm kín, toàn bộ khu sân chơi nằm trong vùng bị khuất gió;

- Về tổ chức cây xanh nhìn chung còn ở mức đơn giản, thiên về chức năng sử dụng và hình

thức mà chưa nghiên cứu ở góc độ sử dụng cây xanh để cải thiện vi khí hậu. Thường sau khi bố trí xong công trình, đường giao thông, sân, bãi rồi mới tính đến bố trí cây xanh. Việc lựa chọn loại cây cũng còn tùy tiện mà yêu cầu tác dụng cải thiện vi khí hậu còn không chú ý.

- Việc sử dụng mặt nước nhân tạo trong các cụm, nhóm nhà (các bể phun nước, bể vẫy ...) còn rất ít. Tỷ lệ diện tích đất trồng cây xanh còn thấp trong các nhóm nhà. Có nhóm nhà không có vườn cây xanh, đặc biệt là các nhóm nhà thấp tầng, chia lô

Để giải pháp QHXD phù hợp và thích ứng với đặc điểm, điều kiện khí hậu địa phương cần thiết phải có quan điểm nâng tầm quan trọng và hiệu quả của yếu tố khí hậu trong nội dung đồ án QHXD. Cụ thể là:

Yếu tố khí hậu trong đánh giá đặc điểm tự nhiên - hiện trạng

Trong phần đánh giá tự nhiên – hiện trạng cần hệ thống các số liệu và phân tích đánh giá về hiện trạng và khả năng biến đổi của vi khí hậu tại khu vực quy hoạch:

- Các số liệu khí hậu chung: không chỉ nêu chung chung những đặc điểm từng yếu tố khí hậu mà cần phân tích, nêu rõ đặc điểm của từng yếu tố: hướng gió (cường độ theo thời gian), bức xạ... để có tác dụng làm cơ sở khi nghiên cứu đề xuất giải pháp tổ chức không gian

- Các yếu tố tác động bên ngoài khu đất quy hoạch : xác định những ảnh hưởng của các thành phần kiến trúc – cảnh quan xung quanh khu đất đến vi khí hậu: cản gió, làm thay đổi hướng gió, tăng hoặc giảm nhiệt lượng ...so với khu vực xung quanh.

- Các yếu tố tác động vi khí hậu trong khu đất quy hoạch bao gồm các yếu tố thuận lợi (ví dụ có mặt nước, có các khu cây xanh, địa hình lồi hay lõm, các hướng tốt, các yếu tố, khả năng tác động để cải thiện vi khí hậu) và yếu tố khó khăn (về địa hình, mặt nước, các hướng xấu nếu bố trí công trình ...)

- Đánh giá tổng hợp: các khả năng lợi dụng tác động tích cực và phòng chống tác động tiêu cực của điều kiện khí hậu

Yếu tố khí hậu trong bố cục quy hoạch - kiến trúc

Trong nội dung này cần coi đặc điểm khí hậu là yếu tố rất quan trọng, là 1 tham số, cơ sở tính toán và căn cứ để lựa chọn giải pháp về:

- Tổ chức cơ cấu quy hoạch: bố cục vị trí, sắp xếp các khu chức năng trong khu quy hoạch: Vị trí và tương quan của các khu chức năng có tác dụng biến đổi chỉ số vi khí hậu; xác định hình dạng đất của khu chức năng và các thành phần chính trong từng khu (các không gian xây dựng, không gian mở); lựa chọn xác định các trục tuyến không gian: đây chính là mạng giao thông chính có thể tạo thành mạng lưu thông phân phối gió điều hoà cho toàn khu

- Tổ chức không gian kiến trúc - cảnh quan: sử dụng các nguyên lý về vi khí hậu để làm 1 cơ sở lựa chọn các phương án hình thức bố cục các công trình (cụm, nhóm, dải...) ;hình khối nhà; hướng nhà cũng như các thành phần cảnh quan như: các khu mặt nước, các khu, dải cây xanh cấp Khu đô thị mới hoặc đơn vị trong Khu đô thị mới, các vườn hoa, sân chơi, tiểu cảnh trong từng nhóm, cụm nhà, các sân vườn, cây xanh của từng công trình, đặc biệt là các công trình công cộng.

Từ lý luận và thực tiễn QHXD đô thị, xin gợi ý một số giải pháp bố cục quy hoạch – kiến trúc có thể cải thiện vi khí hậu là:

Đối với cơ cấu quy hoạch, mô hình chung về cơ cấu một không gian chức năng có thể là 1 lõi không gian cây xanh – mặt nước nằm ở trung tâm, các không gian chức năng nằm xung quanh và bản thân các không gian này cũng có 1 lõi cây xanh – mặt nước nội bộ; bao bọc bên ngoài là không gian mở.

Trong phân khu chức năng, lõi không gian mở bố trí về hướng gió chủ đạo để đưa sâu gió vào trong khu chức năng; ưu tiên các khu công cộng đặt đầu hướng gió chủ đạo; Bố trí các nhóm, đơn vị nhà thấp tầng, mật độ xây dựng thấp phía trước, khu cao tầng, mật độ XD cao phía sau so với hướng gió chủ đạo

Các trục tuyến không gian chủ đạo: khía cạnh vi khí hậu là tham số để xác định hướng của các trục không gian chủ đạo, ví dụ không nên tổ chức đúng hướng Bắc - Nam hoặc Đông - Tây (khó bố trí công trình để được hưởng tốt hoặc ảnh hưởng xấu đến tầm nhìn trên đường (chói mắt).

Đối với bố cục các công trình kiến trúc, việc chọn mẫu và hướng nhà cần bám sát các nguyên tắc vi khí hậu và phù hợp với hướng gió chủ đạo (đã có trong các tài liệu về kiến trúc nhiệt đới). Khoảng cách giữa các nhà cần tuân theo nguyên tắc của vi khí hậu kiến trúc. Khi

nghiên cứu phương án cần vẽ sơ đồ vùng bị che (im gió) để cân nhắc lựa chọn sao cho giảm thiểu sự che chắn gió của nhà trước đến nhà phía sau. Giữa các nhà cần có khoảng cách đủ thông gió vào trong sân và các nhà phía sau, tuy nhiên khoảng này không được quá hẹp sẽ tạo khe gió lùa rất có hại cho sức khoẻ. Có thể bố cục các công trình kiến trúc theo hình thức dải bám dọc theo tuyến, trục đường, dải cây xanh – mặt nước. Các nhà cao tầng có vị trí đầu hướng gió nên để trống 1 phần ở tầng 1 để thông gió vào sân trong và các nhà phía sau. Đối với loại nhà thấp tầng như các nhà lô phố (liên kế), nếu khối nhà liên kế lớn, không để quá dài mà ngắt đứt thành các đoạn ngắn để tăng thông gió cho dãy phía sau, có thể mở rộng khoảng cách để dành một phần diện tích là sân vườn chung của nhóm nhà.

Việc sử dụng vật liệu công trình phụ thuộc nhiều yếu tố khác như kinh tế, ý đồ và giải pháp thiết kế kiến trúc ... nhưng cần chú ý hạn chế loại vật liệu phản xạ nhiều nhiệt lượng ra môi trường tăng nhiệt độ cho khu vực.

Đối với bố cục hệ thống cây xanh - mặt nước cần sử dụng mặt nước làm trung tâm bố cục và thành phần không gian chủ đạo, liên kết các thành phần khác. Tận dụng các mặt nước tự nhiên, có thể mở rộng, nắn chỉnh hình thái cho phù hợp. Tạo mặt nước nhân tạo (nếu không có mặt nước tự nhiên), cây xanh cần được tổ chức thành hệ thống để kết hợp việc dẫn, cản gió, làm mát không khí vào mùa hè và cản gió lạnh về mùa đông. Khi xử lý bề mặt đất có thể làm thay đổi hình thái bề mặt địa hình (đào, đắp, làm đồi, núi giả...) để lái chuyển hướng gió, thu thoát nước mưa nhanh. Cần hạn chế sử dụng vật liệu nhân tạo như bê tông, xi măng trong việc lát bề mặt đất mà tăng cường sử dụng vật liệu tự nhiên (đất, cát, đá, gạch nung). Những khu vực cần vật liệu nhân tạo nên dùng loại hấp thụ nhiều bức xạ. Khi xử lý không gian mặt nước cần kết hợp với yêu cầu cải thiện vi khí hậu: nạo vét, nắn chỉnh đường bờ, thay đổi mực nước, dòng chảy phù hợp với yêu cầu thông gió và tạo tự nhiên; đảm bảo nước lưu thông không tù đọng; duy trì hoặc tạo tính động cho mặt nước (dòng chảy, thác, phun nước) để tăng hiệu quả cải thiện vi khí hậu; phần bờ của mặt nước nên để tự nhiên (trồng cỏ, cây leo ...) hoặc kết hợp nhân tạo – tự nhiên, hạn chế kê bằng vật liệu cứng; trên mặt

nước có các hệ thống vòi phun nước nhân tạo, không chỉ tạo cảnh mà tăng thêm tác dụng chủ động cải thiện vi khí hậu (làm mát không khí); tổ chức các bể cảnh, bể phun nước nhân tạo tại khu vực đông người (các sân, quảng trường ...), nơi có nhiều thành phần, vật liệu nhân tạo.

Đối với tổ chức không gian đường phố, quảng trường cũng cần kết hợp các chức năng sử dụng, cảnh quan, môi trường với yêu cầu cải thiện vi khí hậu. Trong cơ cấu không gian đường phố, tùy theo cấp loại đường mà có thành phần và quy mô khác nhau nhưng nên chú ý: tăng chiều rộng vỉa hè để đảm bảo việc trồng cây trên hè. Nếu lưu lượng đi bộ nhiều hoặc có yêu cầu cách âm, chống bụi cao cho công trình bên trong thì tổ chức 2 – 3 hàng cây; tại các dải phân cách, đảo giao thông cần tận dụng tối đa trồng cây xanh vừa trang trí vừa cải thiện môi trường. Cơ cấu không gian quảng trường cũng không để diện tích lát vật liệu nhân tạo quá lớn (làm tăng bức xạ và nhiệt độ khu vực) mà cần phối kết hợp với các thành phần cây xanh, bể phun nước để đảm bảo tiện nghi vi khí hậu cho người sử dụng. Bề mặt vỉa hè, quảng trường cần nghiên cứu giảm tỷ lệ bề mặt lát gạch, bê tông, tăng tỷ lệ mặt nước và thảm cỏ; sử dụng loại vật liệu hấp thụ nhiều bức xạ; duy trì diện tích đất tự nhiên (trồng cỏ) tại phần gốc cây hoặc tạo thành dải dọc hè hoặc tạo thành bố cục trang trí.

Trong khi vấn đề vi khí hậu trong kiến trúc công trình đã được nghiên cứu ứng dụng và chuyển hoá thành lý luận cũng như được pháp lý hoá (Tiêu chuẩn xây dựng VN 306: 2004 Nhà ở và công trình công cộng - Các thông số vi khí hậu trong phòng) thì vấn đề QHXD phù hợp và thích ứng với điều kiện khí hậu vẫn còn ít được quan tâm chú ý tương xứng với tầm quan trọng và hiệu quả tích cực cũng như tiêu cực của nó. Hy vọng sẽ có nhiều tổ chức, cá nhân nghiên cứu đề xuất về vấn đề này để các không gian xây dựng của chúng ta được quy hoạch đạt được những tiện nghi vi khí hậu tốt cho sinh hoạt, làm việc nghỉ ngơi của người dân; giảm thiểu ô nhiễm môi trường; nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng cũng như khai thác sử dụng công trình và tạo lập bản sắc cho không gian kiến trúc – cảnh quan khu vực.

TS. Doãn Quốc Khoa
Trường ĐTBĐ cán bộ ngành Xây dựng

Tạp chí Quy hoạch xây dựng kỷ niệm 5 năm ngày ra số báo đầu tiên

Ngày 22/2/2008, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng của Viện Quy hoạch Đô thị-Nông thôn Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ kỷ niệm 5 năm ngày ra số báo đầu tiên và Hội xuân Kiến trúc sư 2008. Tới dự Lễ kỷ niệm có ông Trần Ngọc Chính - Thứ trưởng Bộ Xây dựng nguyên là Tổng Biên tập đầu tiên của tạp chí, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang và các đại biểu đến từ Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ban Biên tập và các cộng tác viên của Tạp chí Quy hoạch Xây dựng.

Những năm đầu thế kỷ XXI, công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh và mạnh hơn trên cả nước đã đặt ra những trọng trách lớn trên vai những người làm quy hoạch. Công tác quy hoạch cần đi trước một bước và đóng góp vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển đô thị và nông thôn. Trong quá trình này, đã có nhiều vấn đề nảy sinh từ phương pháp lập quy hoạch đô thị cho đến lý luận trong bối cảnh thực tiễn rất đa dạng. Việc phổ cập, tuyên truyền lý luận, kiến thức mới về quy hoạch đô thị ở Việt Nam và trên thế giới là một nhu cầu cần thiết. Từ đó, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng đã ra đời và trở thành diễn đàn cung cấp, trao đổi thông tin trong các lĩnh vực quy hoạch của các nhà chuyên môn, được đông đảo độc giả đón đọc.

Tạp chí Quy hoạch Xây dựng ra mắt số tạp chí đầu tiên vào ngày 17/01/2003. Đến nay, qua 5 năm đã xuất bản được 30 số. Trong suốt thời gian qua, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng đã nỗ lực không ngừng để thực hiện nghiêm túc

tôn chỉ mục đích đặt ra, làm đúng trách nhiệm của một cơ quan ngôn luận chuyên ngành quy hoạch: tuyên truyền các chủ trương của Đảng và Nhà nước, phổ biến pháp luật xây dựng, là diễn đàn để các nhà chuyên môn về kiến trúc, quy hoạch, xây dựng giới thiệu những nghiên cứu, lý luận mới, trao đổi thông tin, kinh nghiệm nghề nghiệp. Tạp chí cũng là nơi tiếp nhận và phản ánh ý kiến của người dân trong các lĩnh vực quy hoạch và xây dựng cũng như phổ biến kiến thức và nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác quy hoạch và phát triển đô thị...

Với nội dung phong phú, các bài viết sâu sắc, có chất lượng chuyên môn cao, hình thức hấp dẫn, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng đã được đông đảo độc giả đón nhận cũng như được lãnh đạo Bộ Xây dựng, các nhà chuyên môn đánh giá cao. Tạp chí Quy hoạch Xây dựng đã vinh dự được Hội đồng giải thưởng Kiến trúc quốc gia trao Giải thưởng Kiến trúc quốc gia năm 2006 cho thể loại ấn phẩm.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 5 năm Tạp chí Quy hoạch Xây dựng, ông Trần Ngọc Chính - Thứ trưởng Bộ Xây dựng - là người sáng lập và là nguyên Tổng Biên tập đầu tiên của Tạp chí đã chia sẻ những tình cảm của mình, đánh giá cao những nỗ lực của các cán bộ phóng viên, biên tập viên và lãnh đạo của Tạp chí Quy hoạch Xây dựng và chúc Tạp chí Quy hoạch Xây dựng không ngừng đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng và ngày càng phát triển./.

Bạch Minh Tuấn

Công trường Thủy điện Tuyên Quang phát động chiến dịch thi đua, phấn đấu hoàn thành và bàn giao toàn bộ nhà máy vào cuối năm 2008.

Ngày 23/1/2008, trên công trường Thủy điện Tuyên Quang, Ban quản lý dự án thủy điện 1

(Tập đoàn Điện Lực Việt Nam) và TCty Sông Đà đã tổng kết "Chiến dịch thi đua 120 ngày

đêm”, phát động “Chiến dịch thi đua 105 ngày đêm” vì mục tiêu phát điện tổ máy số 2 vào tháng 5/2008, phấn đấu hoàn thành và bàn giao toàn bộ nhà máy vào cuối năm 2008. Tham dự lễ tổng kết thi đua có ông Nguyễn Việt Hải - Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam, ông Bùi Kính Hoàng (Phó Tổng giám đốc T Cty Sông Đà) cùng lãnh đạo các đơn vị và 220 CBCNV ưu tú đại diện hơn 2 nghìn CBCNV trên công trường.

Chiến dịch thi đua 120 ngày đêm được phát động từ ngày 2/9/2007 đến ngày 31/12/2007. Hưởng ứng chiến dịch, các đơn vị thi công đã khắc phục khó khăn, lao động liên tục 3 ca và hoàn thành một khối lượng lớn công việc: đào 105.050m³ đất đá, đổ bê tông 10.100m³, cung cấp 15.441 tấn thiết bị, hoàn thành lắp đặt 9.800 tấn thiết bị, cơ bản hoàn thành các hạng mục như đập bê tông bản mặt, đập bê tông không tràn, đập phụ, cầu giao thông trên đỉnh đập, đập tràn, cống dẫn dòng, đóng điện an toàn trạm phân phối điện ngoài trời 220 KV, khởi động tổ máy 1 ngày 23/1/2008, tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt 72,786 tỷ đồng (đạt 109% kế hoạch đề ra). Kết thúc chiến dịch, Ban lãnh đạo công trường đề nghị Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Liên đoàn lao động tỉnh Tuyên Quang, T Cty Sông Đà trao tặng bằng khen, giấy khen cho 47 tập thể, 63 cá nhân, đặc cách nâng bậc cho 4 cá nhân xuất sắc. Phát biểu tại buổi lễ ông Nguyễn Việt Hải đã ghi nhận những đóng góp to lớn của CBCNV T Cty Sông Đà trên công trường thủy điện Tuyên Quang.

Cũng tại buổi lễ, Chủ tịch CĐXD VN đã phát động “Chiến dịch thi đua 105 ngày đêm” (Từ ngày 3/2/2008 đến 19/5/2008) vì mục tiêu phát điện tổ máy số 2 (tháng 5/2008) lập thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và sinh nhật Bác. Hưởng ứng lễ phát động, lãnh đạo các đơn vị trên công trường đã ký giao ước thi đua, phấn đấu từ nay đến ngày 19/5/2008 hoàn thành việc lắp đặt và thí



nghiệm máy biến áp tổ máy 2; lắp đặt tua bin và thiết bị đo lường thủy lực; hoàn thành lắp đặt và thử nghiệm các hệ thống công nghệ phụ khu vực TM2; tổ hợp xong và lắp hạ Roto xuống cốc máy phát; lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị xi lanh thủy lực cửa van vận hành TM2, TM3, hoàn chỉnh thiết bị phụ trợ, thí nghiệm, hiệu chỉnh và phát điện tổ máy 2 vào tháng 5/2008. Các đơn vị đã phát động đoàn viên thanh niên duy trì đăng ký đầu xe máy thanh niên, phần việc thanh niên, công trình thanh niên nhằm tăng năng suất lao động, tận dụng công suất xe máy thiết bị thi công. Duy trì phong trào thi đua, đẩy mạnh phong trào cán bộ kỹ sư, chuyên viên có nhiều kinh nghiệm đăng ký hướng dẫn kỹ sư, cử nhân, nghiệp vụ mới ra trường và thợ bậc cao đăng ký kèm cặp, giúp đỡ thợ bậc thấp.

Hơn 2 nghìn CBCNV T Cty Sông Đà trên công trường Thủy điện Tuyên Quang quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu hoàn thành và bàn giao toàn bộ nhà máy vào cuối năm 2008, góp phần giải quyết tình trạng thiếu điện cho đất nước đặc biệt vào mùa khô. Đây là công trình thủy điện lớn thứ 3 tại miền Bắc (sau Thủy điện Sơn La và Hoà Bình) có công suất 342MW, tổng vốn đầu tư 7.500 tỷ đồng do T Cty Sông Đà thi công theo cơ chế tổng thầu EPC.

Thanh Huyền

Tổng Công ty LICOGI tổ chức Lễ ngăn sông công trình Thủy điện Bắc Hà



Ngày 22/02/2008 Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI) đã tổ chức Lễ ngăn sông Thủy điện Bắc Hà.

Công trình thủy điện Bắc Hà (TĐBH) được xây dựng trên sông Chảy thuộc xã Cốc Ly huyện Bắc Hà tỉnh Lào Cai (là bậc thang thứ hai sau thủy điện Thác Bà). Đây là công trình thuộc Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 có xét đến triển vọng năm 2020.

Tcty LICOGI được Chính phủ cho phép lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để làm chủ đầu tư xây dựng nhà máy theo hình thức Xây dựng - Vận hành - Kinh doanh (BOO).

Sau khi các thủ tục được hoàn chỉnh theo quy định và có sự thoả thuận của UBND tỉnh Lào Cai và các Bộ ngành, ngày 23/02/2004 Chính phủ đã có văn bản số 2141/CP-CN cho phép đầu tư thủy điện Bắc Hà (tên cũ thủy điện NALE).

Ngày 04/3/2004 Hội đồng quản trị LICOGI đã có quyết định số 808/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án TĐBH (nay gọi là Báo cáo đầu tư).

Công trình TĐBH có một số thông số thiết kế cơ bản như sau: Kết cấu đập bằng bê tông trọng lực, mặt cắt ngang dạng hình tam giác. Chiều cao lớn nhất - 75 m; chiều dài đỉnh đập -

438 m; mực nước dâng bình thường - 180 m; cao trình đỉnh đập - 184,1 m; công suất lắp máy - 90 MW (2 tổ máy, mỗi tổ 45 MW); điện lượng hàng năm - 378 triệu KWh;

Các khối lượng công tác chính của công trình: Đào đất đá - 3.100.000 m³; đắp đất đá - 168.000 m³; bê tông các loại - 725.000 m³; cốt thép các loại - 9.380 tấn; lắp đặt thiết bị - 3.585 tấn.

Tổng mức đầu tư của công trình là 1.900 tỷ đồng. Theo tổng mức đầu tư kế hoạch huy động vốn dự án đã được TCTy làm việc với các cơ quan hữu quan như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Xây dựng và Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và cuối năm 2006 đã ký kết xong các hợp đồng tài trợ vốn cho dự án.

Công trình TĐBH được ngăn sông vào ngày 22/02/2008 và sẽ phát điện tổ máy số 1 vào quý III/2010 và tổ máy số 2 vào quý IV/2010.

Đến nay, dự án đã thực hiện được một số công việc chủ yếu sau:

- Thiết kế: Thiết kế kỹ thuật giai đoạn I đã được Bộ Công nghiệp phê duyệt; thiết kế kỹ thuật giai đoạn II đã được Hội đồng quản trị LICOGI phê duyệt. Trên cơ sở đó Cty Tư vấn xây dựng LICOGI đang hoàn thành các thiết kế bản vẽ thi công phù hợp tiến độ thi công chung của công trình.

- Công tác giải phóng mặt bằng: Ngày 22/5/2007 UBND tỉnh Lào Cai đã phê duyệt phương án tổng thể đền bù tái định cư của dự án. Nhìn chung công tác giải phóng mặt bằng phục vụ thi công công trình cơ bản đã được chủ đầu tư và địa phương giải quyết.

- Thi công:

Để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý của dự án, phát huy sức mạnh tổng hợp của

các đơn vị thi công, LICOGI đã thành lập Tổ hợp các nhà thầu thi công xây lắp công trình TĐBH, gồm có các công ty: LICOGI 1, LICOGI 14, LICOGI 18, LICOGI 20, COMETCO, Cty Lắp máy điện nước,... do Cty LICOGI 18 làm Tổng thầu xây lắp đứng đầu Tổ hợp.

Đến nay, trên công trình các đơn vị thi công đã hoàn thành cơ bản công tác san nền và xây dựng một số hạng mục phụ trợ chính, đã thi công xong hệ thống cấp nước đảm bảo nước sinh hoạt và sản xuất cho giai đoạn 1 của công trình, đường điện thi công 35 KV dài 12,34 km vào nhà máy và đóng điện 5 trạm biến áp với công suất 3.000 KVA tại công trình và các mỏ đá để phục vụ thi công và sản xuất vật liệu xây dựng cho công trình.

Các đơn vị thi công đang tập trung lực lượng thi công các hạng mục chính của dự án như đào và gia cố hai bên vai đập chính, đào móng cùng với kênh dẫn nước vào và ra của nhà máy. Đặc biệt các đơn vị thi công đã hoàn thành đổ bê tông hạng mục dẫn dòng để đảm bảo ngăn sông chuyển bước thi công sang giai đoạn tiếp theo của các hạng mục công trình chính.

Tính đến nay các đơn vị thi công đã đào được 2,5 triệu m³ đất đá/3,1 triệu m³ đất đá của các hạng mục công trình; lắp dựng gần 700 tấn cốt thép, đổ 25.000 m³ bê tông và lắp đặt 250 tấn thiết bị thủy công của hạng mục dẫn



dòng phục vụ cho việc chặn dòng. Các gói thầu thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị quan trắc, thiết bị cơ điện đang được triển khai theo tiến độ.

Theo các điều kiện của thiết kế, việc ngăn sông để tiếp tục thi công các hạng mục chính của công trình đã được các đơn vị thi công đảm bảo. Hội đồng nghiệm thu của LICOGI đã ký biên bản cho phép ngăn sông.

Theo tổng tiến độ chung, công việc còn lại của dự án là rất lớn, đặc biệt một số công việc phải hoàn thành đảm bảo chống lũ năm 2008 đòi hỏi Ban quản lý dự án và các đơn vị thi công phải có kế hoạch cụ thể cùng với quyết tâm cao để có thể thực hiện đúng mục tiêu tiến độ đã đề ra.

Huỳnh Phước

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2007 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2008 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ thiết bị và Kiểm định xây dựng (CONINCO)

Năm 2007 với việc hoàn thành các bước chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần cùng với những nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và Kiểm định

xây dựng (CONINCO) về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh theo kế hoạch Bộ giao.

Kết quả công tác năm 2007:

Năm 2007 đã đánh dấu mốc phát triển đổi

mới của Công ty với việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch SXKD và coi đó là một điểm nhấn của một giai đoạn phát triển mới. Trong 12 năm qua CONINCO đã có bước phát triển nhanh chóng về mọi mặt. Nếu so với năm 1995 là năm mới thành lập Công ty, thì số CBCNV của Công ty đã tăng gấp 5 lần, giá trị SXKD và doanh thu tăng hơn 10 lần, trang thiết bị và cơ sở vật chất lớn mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng.

- Năm 2007 đã đánh dấu nỗ lực lớn của Ban lãnh đạo Công ty và các đơn vị trong Công ty trong công tác phát triển thị trường. Lĩnh vực tư vấn quản lý dự án, giám sát, kiểm định chất lượng đã thực hiện nhiều dự án lớn đảm bảo chất lượng và tiến độ, khẳng định vị trí của Công ty trong các lĩnh vực này. Các lĩnh vực tư vấn khác vẫn có sự phát triển tăng trưởng khá.

- Thị trường tư vấn tiếp tục được mở rộng trên phạm vi nhiều địa phương và các ngành trong cả nước.

- Công ty đang mở rộng hoạt động liên danh liên kết với các tổ chức tư vấn trong và ngoài nước đồng thời mở rộng công tác trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn trong nhiều lĩnh vực tư vấn.

Đánh giá chung về SXKD, năm 2007, các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty đều hoàn thành kế hoạch và tăng hơn so với năm 2006. Một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện như sau:

- Số Hợp đồng kinh tế (HĐKT) ký được từ 01/3/2007 đến 31/12/2007 là 914 hợp đồng với doanh số là 180,0 tỷ đồng. Giá trị sản lượng thực hiện 82,23 tỷ đồng đạt 102% so với kế hoạch năm 2007, tăng 20,46% so với năm 2006.

- Tổng doanh thu từ 01/3/2007 đến 31/12/2007 là 63,64 tỷ đồng; trong đó doanh thu từ tư vấn đạt 60,6 tỷ đồng đạt 103% so với kế hoạch năm 2007.

Bình quân doanh thu SXKD của một cán bộ tư vấn đạt 135 triệu đồng/người.

Mức trích nộp ngân sách tăng 10,6%; lợi nhuận trước thuế tăng 10,8% so với năm 2006.

- Một số lĩnh vực tư vấn vẫn giữ được giá trị doanh thu cao như: Kiểm định chất lượng và thí nghiệm hiện trường; Tư vấn giám sát thi công; Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật ... Công tác quản lý dự án được Công ty duy trì phát triển mạnh trong năm 2007 với việc thực hiện tư vấn QLDA cho nhiều dự án lớn của các bộ ngành và nhiều địa phương.

- Trong năm 2007, CONINCO vẫn tiếp tục thực hiện các dự án lớn như dự án sân bay Liên Khương, sân bay Cần Thơ, dự án Cầu Vĩnh Tuy. Đồng thời ký kết các Hợp đồng dịch vụ tư vấn cho nhiều dự án lớn và quan trọng như: Dự án Xi măng Phú Hữu 1, dự án Xi măng Bình Phước, Trung tâm Điều hành và Thông tin viễn thông Điện lực Việt Nam, Khu trưng bày ngoài trời Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, Nhà máy Thủy điện Đăkrith, Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng, Dự án Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Dự án Trường Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật Tây Bắc, dự án Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, các dự án xây dựng Nhà cao tầng tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng....

Tư vấn vốn là con người. Vì vậy cùng với việc kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty, bổ sung cán bộ lãnh đạo, Công ty đã chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao trình độ cán bộ. Tổng kinh phí chi cho đào tạo trong năm 2007 là trên 190 triệu đồng, chưa kể kinh phí các đơn vị tự trang trải.

Đời sống của CBCNV được đảm bảo và cải thiện, thu nhập bình quân năm 2007 đạt khoảng 3,8 triệu đồng/người/tháng, tăng hơn 10% so với năm 2006.

Kế hoạch chỉ tiêu chủ yếu năm 2008

- Tăng trưởng sản xuất kinh doanh toàn Công ty trên 10%

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tư vấn đáp ứng mọi yêu cầu của các lĩnh vực dịch vụ

- Đảm bảo duy trì việc làm thường xuyên cho người lao động, phấn đấu tăng thu nhập bình quân từ 10 - 12%

- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giữ vững thương hiệu CONINCO trên thị trường tư vấn trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh hoạt động các công tác Đảng, đoàn thể giữ vững đoàn kết nội bộ, phát huy vai trò năng lực của từng CBCNV trong xây dựng và phát triển đơn vị.

- Tiếp tục bổ sung sửa đổi Quy chế hoạt động và Quy chế tài chính của Công ty và của các đơn vị trong Cty cho phù hợp với hoạt động của Công ty Cổ phần: Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi ban hành một số quy định, hướng dẫn nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính, kỹ thuật và quản lý chất lượng, để công tác SXKD của Công ty và các đơn vị đạt hiệu quả và chất lượng.

- Công ty và các đơn vị xúc tiến đẩy mạnh mở rộng thị trường, thực hiện nhiều dạng tư vấn, trong đó định hướng phát triển mạnh công

tác lập dự án, thiết kế, kiểm định chất lượng, quản lý dự án. Tăng cường phát triển thị trường ngoài nước, trước mắt tại các thị trường Đông Nam Á.

- Tăng cường công tác quản lý đảm bảo chất lượng tại Công ty và các đơn vị, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2000 thường xuyên, có hiệu quả tích cực trong công tác quản lý và điều hành chung.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, đặc biệt quan tâm tới công tác đào tạo tập trung cho các cán bộ mới tuyển dụng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn hơn nữa cho các kỹ sư tư vấn. Đồng thời chú trọng nâng cao năng lực cán bộ, cơ sở vật chất thực hiện công tác tư vấn cho các đơn vị đáp ứng các dự án sắp tới.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua lao động, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2008 theo các chỉ tiêu kế hoạch Công ty đã đề ra.

Minh Tâm

Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn tổng kết công tác năm 2007 và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2008

Ngày 31/01/2008 Viện Quy hoạch Đô thị - nông thôn Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị kiểm điểm công tác năm 2007 và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2008.

Năm 2007, toàn thể cán bộ, công chức và viên chức của Viện đã tập trung và phát huy các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm.

Bên cạnh những thuận lợi như trong năm qua công tác quy hoạch xây dựng (QHXD) được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, các Bộ, Ngành đến từng người dân. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác xây dựng, quản lý xây dựng và QHXD đã được ban hành tương đối đầy đủ. Viện có đội ngũ cán

bộ, công chức và viên chức thuộc nhiều ngành nghề khác nhau như: Kiến trúc, đô thị, xây dựng, môi trường,... trong đó cán bộ trẻ chiếm hơn 60% được đào tạo cơ bản có trình độ ngoại ngữ và chuyên môn, có nhiều cán bộ là chuyên gia đầu ngành của nhiều bộ môn về lĩnh vực quy hoạch đô thị - nông thôn. Viện cũng gặp một số khó khăn như: Vị trí làm việc hiện nay còn chật hẹp nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động chung của Viện; đội ngũ cán bộ trẻ tuy được đào tạo, chuyên môn về ngoại ngữ, tin học song còn bị hạn chế về kiến thức xã hội, về kinh nghiệm công tác nhất là trong lĩnh vực quy hoạch.

Thực hiện nhiệm vụ công tác nghiên cứu

khoa học (NCKH) Bộ giao, Viện đã thực hiện các chương trình NCKH lớn, các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp ngành, các dự án quốc tế và trong nước nhằm từng bước nâng cao hiệu quả của công tác phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Viện đã chủ động đề ra kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài NCKH trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được Bộ giao. Các đề tài NCKH cấp Nhà nước và cấp ngành đã tập trung vào các lĩnh vực chính của ngành như: Quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật đô thị (giao thông, cấp nước, thoát nước, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và an táng, cây xanh, bảo vệ môi trường,...). Kết quả nghiên cứu của các đề tài được ứng dụng vào công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch, đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, quy chuẩn, tiêu chuẩn về QHXD.

Công tác phục vụ quản lý nhà nước của Viện đã được đẩy mạnh trên tất cả các mặt: Văn bản pháp quy, văn bản phục vụ quản lý nhà nước, quy chuẩn, tiêu chuẩn. Hoạt động này góp phần quan trọng cho việc đổi mới quy trình, thủ tục lập và quản lý QHXD ở Việt Nam cũng như phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ đối với một số nhiệm vụ do Chính phủ giao đối với các công trình trọng điểm.

Năm 2007 đánh dấu một bước tiến mới trong công tác hợp tác quốc tế với nhiều chương trình, dự án. Thông qua các dự án hợp tác quốc tế, cán bộ của viện tiếp thu được nhiều kinh nghiệm của bạn đồng thời nâng cao được năng lực công tác. Hoạt động hợp tác quốc tế ngày càng được hoàn thiện. Số lượng các dự án quốc tế do Viện thực hiện đã tăng lên đáng kể. Viện cũng đã tổ chức được nhiều hội thảo quốc tế quan trọng và các chuyến đi công tác nước ngoài, nâng cao vị thế của Viện với bạn bè quốc tế.

Công tác đào tạo mặc dù mới chỉ là bước khởi đầu nhưng đã đi vào hoạt động một cách

hiệu quả như đào tạo thiết kế đô thị tại trường đào tạo của Viện Công nghệ Habin Thẩm Quyến Trung Quốc, tổ chức đoàn cán bộ của Viện tham dự khoá học ngắn hạn do EC tài trợ tại châu Âu và đặc biệt tổ chức thành công 2 khoá đào tạo chủ nhiệm đề án QHXD cho cán bộ công chức của Viện.

Viện đã thực hiện khảo sát quy hoạch giúp các địa phương hoàn thành có chất lượng đáp ứng được các yêu cầu của các địa phương và của Bộ giao. Viện đã lập các đồ án quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh, các vùng biên giới, vùng đồng bằng sông Cửu Long, triển khai quy hoạch chung xây dựng các đô thị, triển khai quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết các khu kinh tế, tiến hành thiết kế đô thị. Các công trình xây dựng các điểm dân cư nông thôn đã được thực hiện theo các địa bàn đặc thù, làm cơ sở cho việc đúc rút kinh nghiệm trong thực tế quy hoạch phát triển nông thôn.

Thực hiện nhiệm vụ công tác trắc địa bản đồ Viện đã khảo sát đo đạc các thành phố, thị trấn, thị xã, khu công nghiệp, khu kinh tế. Công tác trắc địa bản đồ đã thực sự đổi mới về công nghệ và hỗ trợ trực tiếp cho việc đảm bảo chất lượng của đồ án quy hoạch.

Trung tâm Quy hoạch đô thị - nông thôn miền Trung năm qua gặp khó khăn do lực lượng cán bộ ít và mỏng, trụ sở làm việc cũng như trang thiết bị còn thiếu. Tuy nhiên, Trung tâm đã ổn định tổ chức và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm.

Phân viện Quy hoạch đô thị - nông thôn miền Nam thực hiện các quy hoạch tại phía Nam theo yêu cầu của Bộ Xây dựng cũng như của các địa phương như lập quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết cho các thành phố, thị xã, đảo,... Các hoạt động của Phân viện đã từng bước ổn định và ngày càng chủ động hơn.

Năm 2007, Viện đã áp dụng Quy chế chi

tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công, triển khai có hiệu quả Nghị định số 115/2005/NĐ-CP từng bước chuyển đổi mô hình cơ cấu tổ chức của Viện sự nghiệp khoa học. Hoạt động của Viện có sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng uỷ, sự kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền, Công đoàn và Đoàn thanh niên. Công tác chỉ đạo, điều hành, lề lối làm việc của Viện tiếp tục được đổi mới, cải tiến, đồng thời đảm bảo các nguyên tắc theo đúng quy định. Việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng ngày càng rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu.

Các chế độ, chính sách của cán bộ, viên chức được đảm bảo trong mọi hoạt động của Viện. Cán bộ, viên chức được đảm bảo ổn định về tổ chức và việc làm; đời sống của cán bộ, viên chức được nâng cao.

Các hoạt động của Viện đảm bảo dân chủ, công khai. Việc phối hợp giữa lãnh đạo Viện với Công đoàn, các đoàn thể, ban thanh tra được duy trì thường xuyên và có hiệu quả tích cực.

Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân của các tồn tại trong năm 2007, Viện đã đề ra các giải pháp khắc phục nhằm thực hiện một cách có hiệu quả các nhiệm vụ kế hoạch của năm 2008 - năm bản lề của Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010. Theo đó Viện sẽ nghiên cứu và hoàn thành các đề tài phục vụ quản lý, đề xuất các đề tài NCKH mới mang tính lý thuyết tập trung

giải quyết một số vấn đề cốt lõi trong nghiên cứu chiến lược trên cơ sở phối hợp liên ngành, thực hiện các đề tài nghiên cứu triển khai ứng dụng mới nhằm giải quyết các nội dung còn khiếm khuyết hoặc các vướng mắc trong thực hiện Luật Xây dựng và Nghị định của Chính phủ về QHXD; nghiên cứu ứng dụng công nghệ tin học để nâng cao chất lượng các đồ án QHXD và quản lý đô thị; tiếp tục đổi mới và củng cố cơ cấu tổ chức Viện.

Một số nhiệm vụ trọng tâm của Viện giai đoạn 2008 - 2010:

- Tham gia hoàn thiện Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản pháp quy kèm theo; tham gia các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác;
- Hình thành cơ sở dữ liệu Quy hoạch đô thị toàn quốc được đặt tại Viện;
- ứng dụng thành công nghệ GIS trong QHXD và quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Đổi mới về thuyết minh và thể hiện đồ án QHXD (đổi mới về nội dung và hình thức lập QHXD);
- Bồi dưỡng và đào tạo nhằm tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của Viện;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực, hoà nhập với khu vực và quốc tế trong lĩnh vực QHXD;

Huỳnh Phước

Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tổng kết công tác năm 2007 và bàn phương hướng hoạt động năm 2008

Ngày 25/01/2008 Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (VNCC) đã tổ chức tổng kết công tác năm 2007 và bàn phương hướng hoạt động năm 2008.

Điểm nổi bật của năm 2007 là việc Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (100% vốn

Nhà nước) đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Cty mẹ - Cty con với 8 Cty thành viên là: Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Vật liệu xây dựng, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị

Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng, Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng tổng hợp, Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt nam và Công ty Cổ phần Tin học xây dựng.

TCTy có vốn góp chi phối tại 7 cty cổ phần thành viên. Các cty thành viên liên kết với nhau thông qua hoạt động của Hội đồng phát triển và TCTy đã tham gia vào các hoạt động của các cty thành viên thông qua người đại diện phần vốn Nhà nước tại các cty thành viên.

Trong sự cạnh tranh mạnh mẽ của các thành phần kinh tế và ảnh hưởng khách quan của quá trình cổ phần hoá, nhưng bằng nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV của cả Tổ hợp, các chỉ tiêu thực hiện cơ bản của Tổ hợp tư vấn đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra từ đầu năm, cụ thể: Tổng giá trị sản xuất đạt 858 tỷ đồng bằng 117% kế hoạch năm 2007; tổng doanh thu đạt 648 tỷ đồng bằng 109% kế hoạch năm 2007; lợi nhuận trước thuế đạt 39,6 tỷ đồng; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu đạt 6,19%; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ đạt 15,9%;

Các thành viên trong Tổ hợp đã và đang thực hiện nhiều dự án lớn của Nhà nước cũng như hợp tác với các tư vấn nước ngoài trong công tác thiết kế các khu nhà ở, trường học, bệnh viện, trung tâm thương mại,... Địa bàn hoạt động của TCTy trải rộng trên khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Trong năm Hội đồng quản trị TCTy đã chỉ đạo soạn thảo các văn bản pháp lý cần thiết để điều hành và phối hợp giữa TCTy và các đơn vị thành viên, bao gồm Chiến lược phát triển, các quy chế hoạt động và quản lý,...

Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản của các cty thành viên năm 2007 đều đạt từ 109% đến 117%, cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của các cty thành viên trong Tổ hợp sau khi cổ phần hoá.

Thực hiện định hướng chiến lược phát triển của Tổ hợp giai đoạn 2007 - 2010, bên cạnh công tác tư vấn, vấn đề đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư kinh doanh các sản phẩm phù hợp với năng lực tư vấn và lợi thế của từng doanh nghiệp thành viên cũng được Tổ hợp từng bước triển khai và phát triển theo yêu cầu của thị trường.

Đến nay đã có 7/9 cty thành viên hoàn thành cổ phần hoá. Sau cổ phần hoá các cty thành viên đã sắp xếp lại tổ chức, quy trình sản xuất và xây dựng, hoàn chỉnh các quy chế nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả SXKD nhờ đó các chỉ tiêu kế hoạch đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức, đời sống CBCNV được nâng cao hơn.

TCTy đã có văn bản trình Bộ Xây dựng về việc xin chủ trương cổ phần hoá toàn bộ TCTy để hoàn tất lộ trình cổ phần hoá các doanh nghiệp theo chủ trương của Chính phủ. Để mở rộng thị trường và nâng cao sức sản xuất, một số cty thành viên đã và đang thành lập các công ty con và công ty liên kết trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu.

Từ tháng 5/2007, TCTy Tư vấn Xây dựng Việt Nam - công ty mẹ đã chuyển về làm việc tại trụ sở mới tại 243 A Đê La Thành - Hà Nội. Một cơ ngơi khang trang, đủ tiện nghi làm việc, đã góp phần tích cực giúp cho TCTy thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD cũng như các nhiệm vụ chính trị mà Bộ Xây dựng đã giao cho TCTy.

Với nỗ lực của 430 CBCNV, TCTy đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2007 với các chỉ tiêu cụ thể sau: Tổng giá trị sản xuất đạt 181 tỷ đồng bằng 265% kế hoạch năm; doanh thu đạt 87,8 tỷ đồng bằng 140% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 9,67 tỷ đồng; tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 11%; tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đạt 8%;

Năm 2007 TCTy ký được 297 hợp đồng kinh tế với tổng giá trị hợp đồng là 181 tỷ đồng. Năm 2007 số lượng hợp đồng có giá trị lớn nhiều hơn

năm 2006 với 19 hợp đồng tổng giá trị đạt 79,1 tỷ đồng.

Với lực lượng cán bộ tư vấn có trình độ chuyên môn cao, TCty đã đảm nhận công tác tư vấn thiết kế nhiều công trình lớn như: Trụ sở Đài truyền hình kỹ thuật số VTC, Khu du lịch Việt Hưng thành phố Hạ Long, Tòa nhà hỗn hợp sông Đà - Hà Đông, Tổ hợp siêu thị, rạp chiếu phim, chung cư cao cấp tại 19 Nguyễn Trãi Hà Nội, v.v...

Nhận thức được tiềm năng to lớn trong việc mở rộng quan hệ với tư vấn nước ngoài, TCty đã hợp tác có hiệu quả với các cty tư vấn nước ngoài có uy tín để cùng tham gia thực hiện nhiều dự án lớn tại Việt Nam. Thông qua hợp tác quốc tế, ngoài việc mang lại hiệu quả kinh tế cao, đã giúp cho cán bộ tiếp thu được nhiều kinh nghiệm của bạn về chuyên môn, năng lực điều hành tổ chức thực hiện dự án theo phong cách chuyên nghiệp, phù hợp thông lệ quốc tế và nâng cao trình độ tiếng Anh.

Với phương châm “chất lượng là hàng đầu”, sản phẩm thiết kế của TCty vẫn luôn được khách hàng đánh giá là có chất lượng chuyên môn cao, có tính chuyên nghiệp, hồ sơ thể hiện đẹp đúng theo quy định về quản lý chất lượng mang mẫu sắc VNCC và phản ánh chất lượng tốt của đội ngũ cán bộ tư vấn của TCty. Thương hiệu VNCC tiếp tục được giữ vững và không ngừng nâng cao trên thị trường tư vấn.

Song song với nhiệm vụ SXKD, TCty đã giúp Bộ trong việc tư vấn phản biện 05 dự thảo các văn bản quản lý vĩ mô như các luật, nghị định, thông tư, hướng dẫn cũng như tham gia góp ý cho các dự án lớn của Nhà nước và các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước và cấp Bộ.

Năm 2008, với việc thành lập Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con nằm trong Tổ hợp VC Group, mục tiêu và định hướng phát triển chung của TCty và cả Tổ hợp phải đạt

được là: Xây dựng và hình thành Tập đoàn Tư vấn Xây dựng mạnh của Việt Nam; chuyên môn hoá theo lĩnh vực; phối hợp hoạt động trong SXKD và cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường; đẩy mạnh nghiên cứu phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; cải tiến mô hình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế; đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp và trình độ tư vấn cho CBCNV của TCty và của cả Tổ hợp để đạt trình độ quốc tế; xây dựng cơ chế trả lương hấp dẫn, tương xứng với năng lực cán bộ để khuyến khích người tài.

Trong đó những mục tiêu cụ thể của Tổ hợp VC Group là: Giá trị sản xuất thực hiện đạt 1.000 tỷ đồng, doanh thu trước thuế - 900 tỷ đồng. Đối với Tổng công ty (Công ty mẹ) thì giá trị sản xuất thực hiện là 190 tỷ và doanh thu trước thuế là 100 tỷ đồng. Đối với công tác đầu tư Tổ hợp tiếp tục thành lập các cty con trong từng cty thành viên để mở rộng thị trường tư vấn và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác theo hình thức hợp đồng chuyển nhượng. Nhiều hình thức đầu tư đa dạng sẽ được Tổ hợp phát triển như: Góp vốn, kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính thông qua hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các cty thành viên.

TCty (Cty mẹ) phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2008 với mức tăng trưởng tối thiểu bằng 12%, trong đó giá trị sản xuất thực hiện 190 tỷ đồng, doanh thu trước thuế đạt 100 tỷ đồng.

Bước vào năm 2008, Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam sẽ vững bước đi lên, vượt qua mọi thách thức để trở thành một TCty mạnh, xứng đáng với sự tin tưởng của lãnh đạo Bộ, thoả mãn yêu cầu của khách hàng và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Huỳnh Phước

Tổng công ty Xây dựng Hà Nội tổng kết công tác năm 2007 và bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2008



Ngày 1/2/2008 Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2007 và bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2008.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do biến động giá cả và cạnh tranh gay gắt trong cơ chế thị trường, nhưng TCty Xây dựng Hà Nội không những hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà còn tăng trưởng cao đối với các chỉ tiêu chủ yếu. Một số kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2007 của TCty như sau: Tổng giá trị SXKD tăng 20% so với năm 2006, đạt 7.260 tỷ đồng, trong đó giá trị xây lắp đạt 6.253 tỷ tăng 20,2%, sản xuất công nghiệp và VLXD đạt 513 tỷ tăng 34,6%, giá trị SXKD khác đạt 494 tỷ tăng 6%. Doanh thu tăng 12% so với năm 2006 đạt 5.260 tỷ đồng. Lợi nhuận đạt 123,1 tỷ đồng tăng 11% so với năm 2006. Nộp ngân sách 213 tỷ đồng tăng 70% so với năm 2006.

Trong năm TCty và các đơn vị thành viên đã và đang thi công 646 công trình và hạng mục công trình, trong đó có 386 công trình dân dụng, 101 công trình công nghiệp và 159 công trình hạ tầng kỹ thuật. 282 công trình và hạng mục công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng.

Một số chỉ tiêu khối lượng khác đã đạt được như sau: Sản xuất 265 triệu viên gạch tiêu chuẩn; bê tông thương phẩm - 273.130 m³; đá các loại - 86.000 m³ và gạch granit - 1.500.000 m².

Với các chỉ tiêu đã đạt được, một lần nữa khẳng định chủ trương đa dạng hoá ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm và đa dạng hoá sở hữu của TCty là đúng đắn và phù hợp, trong đó xây lắp vẫn là thế mạnh đã được phát huy.

Trong điều kiện khó khăn về vốn, máy móc và thiết bị, giá cả vật tư tăng nhanh và phức tạp nhưng TCty đã phát huy nội lực, động viên sức sáng tạo của từng đơn vị với sự tham gia của hệ thống đoàn thể nên đã giành được những thắng lợi nhất định.

Công tác quản lý điều hành của TCty đối với các đơn vị thành viên đã thực sự đổi mới theo hướng chuyển từ cơ chế mệnh lệnh hành chính sang liên kết phát triển thông qua cơ chế đầu tư tài chính, sử dụng và phát huy thương hiệu của TCty tạo nên sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp độc lập.

Hầu hết các đơn vị thuộc TCty đã từng bước trưởng thành về các mặt quản lý sau khi chuyển sang cty cổ phần, khẳng định vai trò và tính năng động, sáng tạo trong cơ chế thị trường, bảo toàn phát triển được vốn kinh doanh, bảo đảm cố tức, thu nhập của cán bộ công nhân viên được nâng cao.

Các cty cổ phần của TCty đã xác định rõ lợi ích của các cổ đông là trên hết nên đã chú trọng và tập trung vào hiệu quả SXKD nên lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, thực tiễn kinh doanh năm 2007 cũng cho thấy rõ những

tồn tại cần khắc phục như: Còn 4 đơn vị đạt giá trị SXKD thấp so với kế hoạch, một số đơn vị doanh thu đạt dưới 60%; sự phối hợp giữa các đơn vị thành viên để tạo ra sức mạnh trong SXKD chưa được coi là giải pháp quyết định để phát huy thương hiệu; công tác chỉ đạo thực hiện hợp đồng, hồ sơ thanh quyết toán và công tác thu hồi công nợ còn bộc lộ nhiều bất cập ở nhiều đơn vị; việc xây dựng và thực hiện quy chế chưa đi vào nền nếp và bắt buộc dẫn đến không xử lý dứt điểm các tồn tại trên nhiều mặt gây ảnh hưởng không nhỏ đến SXKD.

Tuy còn thiếu sót, nhược điểm nhưng kết quả đạt được trong năm 2007 là cơ bản. Với những thành tích nêu trên, TCty đã có 3 đơn vị và 3 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động, 1 tập thể được tặng cờ thi đua của Chính phủ và 11 cá nhân được nhận bằng khen của Chính phủ và nhiều danh hiệu khác. Những kết quả đạt được năm 2007 đã tạo ra những tiền đề để TCty thực hiện nhiệm vụ năm 2008 và những năm tiếp theo.

Năm 2008 là năm có những cơ hội mới và cũng nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp nói chung và TCty nói riêng. Để phát huy tiềm năng và thế mạnh trong năm 2008 TCty cần phải tập trung thực hiện tốt những mục tiêu trọng tâm sau đây:

- Phát triển bền vững và tăng trưởng cao ở từng đơn vị thành viên và toàn TCty, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2008;
- Tạo bước đột phá trong đầu tư để tạo vốn

và tài sản nhằm chuyển đổi cơ cấu SXKD, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD, phát huy thương hiệu của TCty trên thị trường đầu tư và xây dựng;

- Kiện toàn và nâng cao năng lực về tổ chức, đổi mới quản lý, thực hiện mô hình cty mẹ - cty con và triển khai có hiệu quả việc cổ phần hoá theo lịch trình của Bộ Xây dựng và Chính phủ đã quy định;

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2008 của TCty: Giá trị SXKD phấn đấu đạt 8.100 tỷ đồng, trong đó giá trị xây lắp - 6.792 tỷ, giá trị ngoài xây lắp - 1.208 tỷ. Doanh thu - 5.786 tỷ đồng tăng 10% so với năm 2007. Nộp ngân sách - 292 tỷ đồng tăng 37% so với năm 2007. Lợi nhuận - 135 tỷ đồng tăng 10% so với năm 2007. Đầu tư xây dựng - 2.500 tỷ đồng tăng 270% so với năm 2007. Thu hồi vốn bình quân toàn TCty bằng 75% doanh thu.

Một số chỉ tiêu về khối lượng: Bàn giao 350 công trình và hạng mục công trình; sản xuất 290 triệu viên gạch các loại, đá granit - 2.100.000 m², đá xây dựng - 100.000 m³ và bê tông các loại - 365.000 m³.

Năm 2008, với quyết tâm cao, sự đoàn kết nhất trí, sự hoạt động đồng bộ có hiệu quả của toàn thể CBCNV, TCty Xây dựng Hà Nội sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ, sẽ ổn định, tăng trưởng, phát triển đúng định hướng chiến lược đã đề ra.

Huỳnh Phước

Lilama 69-1: Làm chủ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, năng động trong cơ chế thị trường

Công ty Cổ phần Lilama 69-1 là một thành viên của TCty Lắp máy Việt Nam, tiền thân là công trường Lắp máy phân đạm Hà Bắc và công trường lắp máy điện Uông Bí, thành lập

năm 1961 với nhiệm vụ lắp đặt thiết bị cho hai nhà máy Hoá chất phân đạm Hà Bắc và Nhiệt điện Uông Bí I lớn nhất lúc bấy giờ. Từ đó đến nay, từ một doanh nghiệp chuyên lắp đặt thiết

bị, công ty đã “vươn xa” trở thành doanh nghiệp đa ngành, sản xuất kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau như: xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây và trạm biến thế 500KV; lắp đặt các dây truyền công nghệ; đầu tư kinh doanh phát triển hạ tầng đô thị, KCN, kinh doanh bất động sản, sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị vật liệu xây dựng.; xuất nhập khẩu thiết bị, dây truyền công nghệ; tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, hệ thống cứu hoả, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện....

Ngày đầu thành lập, đội ngũ CBCNV hầu hết là bộ đội chuyển ngành, thanh niên xung phong, cán bộ miền nam tập kích, đến nay, công ty đã sở hữu một đội ngũ CBCN kỹ thuật có trình độ cao, trong tổng số 1800 CBCNV gần 200 người đạt trình độ từ đại học trở lên, 227 người trung cấp, 250m thợ hàn đạt trình độ chuẩn quốc tế, 347 công nhân có tay nghề từ bậc 4/7 đến 7/7. Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng tốt, thiết bị máy móc tiên tiến hiện đại, CBCNV thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, tiếp cận ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, sử dụng thành thạo các phương tiện khoa học kỹ thuật mới vào thực tế sản xuất, đáp ứng yêu cầu cao của nền cơ khí xây dựng hiện đại.

Với tinh thần làm chủ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, năng động trong cơ chế thị trường, Lilama 69-1 đã lắp đặt thành công gần 500 công trình và hạng mục công trình trên khắp mọi miền đất nước như: Trạm kiểm soát không lưu Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xí nghiệp dược phẩm TW II, Viện bảo tàng Hồ Chí Minh, Nhà máy kính Đáp Cầu, Nhà máy Xi măng Hoàng Thạch.... “Năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đúng tiến độ” đã được khẳng định qua nhiều công trình, tạo đà cho những thành công tiếp theo, Lilama 69-1 đã trúng thầu lắp đặt nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài như: Nhà máy kính quang học Pentax Sài Đồng Gia Lâm, Nhà máy Xi măng Chinfon Hải Phòng,

Nhà máy khí công nghiệp Bắc Việt Nam, nhà máy kính nổi Việt Nhật Bắc Việt Nam, Nhà máy điện Phả Lại II, Nhà máy nhiệt điện Na Dương Lạng Sơn....trong đó có nhiều công trình đạt huy chương vàng công trình sản phẩm xây dựng Việt Nam chất lượng cao.

Năm 2001, Lilama 69-1, mở rộng lĩnh vực hoạt động sang chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình lớn như chế tạo thiết bị cho nhà máy xi măng Nghi Sơn (Thanh Hoá), Hoàng Mai (Nghệ An)...chế tạo các thiết bị cho nhà máy nhiệt điện Uông Bí, Na Dương, Phả Lại....Năm 2003, bước ngoặt của Lilama 69-1 được đánh dấu bằng sự kiện quan trọng: chế tạo thành công bộ sầy không khí cho Dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng. Dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng 300MW do Lilama làm tổng thầu EPC, Lilama 69-1 là đơn vị chủ lực được giao phần chế tạo và lắp đặt thiết bị 2 hạng mục chính: lắp đặt lò hơi công suất 920 tấn hơi/h và tua bin công suất 300MW, 4220 tấn thiết bị trong tổng số 33 nghìn tấn của dự án được chế tạo bởi bàn, khối óc người thợ lắp máy Lilama 69-1. Việc chế tạo thành công bộ sầy không khí đánh dấu sự trưởng thành, phát triển của Lilama về mọi mặt đồng thời mở ra hướng đi mới: xuất khẩu thiết bị ra nước ngoài. Bộ sầy không khí do Cty chế tạo được các chuyên gia nước ngoài, các tập đoàn lớn đánh giá cao, tiêu chuẩn tốt, giá chỉ 514,28USD/tấn, so với bộ sầy không khí nhập từ Anh, Nga, Trung Quốc bộ sầy không khí do Lilama 69-1 sản xuất tiết kiệm cho ngân sách nhà nước từ 563,72USD đến 735,72USD/tấn. Ngay sau khi chế tạo thành công hơn 2 nghìn tấn bộ sầy không khí cho nhà máy nhiệt điện Uông Bí mở rộng, Lilama 69-1 nhận được nhiều đơn đặt hàng của nhiều tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài như: cung cấp 242,8 tấn bộ sầy không khí cho Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, cung cấp 450 tấn thiết bị cho Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản), cung cấp thiết bị cho Power Machines (Nga)...Chủ động

trong thời kỳ hội nhập, lãnh đạo công ty đứng đầu là Tổng giám đốc Ngô Quang Quý dẫn đầu sang thăm và làm việc tại Cộng hoà Czech, thảo luận với Tập đoàn ZVVZ – Enveen về chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo thiết bị lọc khí tại Việt Nam. Hợp tác với Tập đoàn Ses – TLMace, Lilama sẽ cùng nhà thầu Ses – TLMace chế tạo và cung cấp thiết bị của lò hơi cho các dự án nhiệt điện.

Năm 2007, Lilama 69-1 hoàn thành nhiều hạng mục quan trọng của dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất như: hệ thống Sea water, fire water, cooling water, hệ thống underground Fire Pipe gói thầu 2 và 3, hệ thống Pipeline gói thầu 5b, gói thầu ME-7, gói thầu 1 và 4 và được Technip bổ sung giao cho Lilama 69-1 thực hiện một số hạng mục trị giá gần 2 triệu USD. 10 năm qua, giá trị sản xuất kinh doanh của công ty liên tục tăng trưởng: năm 1997 tổng doanh thu đạt 28.631.000 ngàn đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 780 ngàn đồng, năm 2007, doanh thu đạt 232,598 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.150.000đ, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 760.86 nghìn USD. Năm 2008, Cty phấn đấu doanh thu đạt



270,000 triệu đồng, tổng kim ngạch xuất khẩu: 2,826.00 nghìn USD.

Hơn 45 năm lao động trưởng thành, Lilama 69-1 đạt nhiều thành tích góp phần vào sự nghiệp CNH – HĐH đất nước, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương cao quý: 1 Huân chương Độc Lập Hạng ba, 1 Huân chương Lao động Hạng nhất, 4 Huân chương Lao động Hạng Nhì, 10 Huân chương Lao động Hạng ba ... Với những thành tích đã đạt được, năm 2007, Lilama 69-1 được đề nghị xét tặng Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Thanh Huyền

Những thiệt hại và đối sách xử lý việc chậm thanh toán trong xây dựng công trình

Chậm thanh toán chi phí xây dựng công trình trong xây dựng là vấn đề lớn tồn tại trong nhiều năm nay, và là căn bệnh cố hữu kìm hãm sự phát triển của ngành xây dựng Trung Quốc. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn liên quan đến chính trị và ổn định xã hội. Chính phủ Trung Quốc và Quốc vụ viện rất quan tâm đến vấn đề này và đã ban hành nhiều văn bản để xử lý như: “Thông báo của Quốc vụ viện về việc giải quyết vấn đề chậm thanh toán chi phí xây dựng công trình trong xây dựng”, “ Biện pháp quyết toán tạm thời chi phí xây dựng công

trình”. Trong bài viết này phân tích sơ lược về những thiệt hại, nguyên nhân và đối sách xử lý vấn đề chậm thanh toán chi phí xây dựng công trình hiện nay.

Thiệt hại của việc chậm thanh toán chi phí xây dựng công trình

1- Thiệt hại cho chủ đầu tư

Thiếu vốn sẽ dẫn đến tình trạng công nhân bỏ việc, ăn bớt vật liệu, kéo dài thời gian thi công gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng công trình, tiềm ẩn hiểm họa về kết cấu công trình. Việc kéo dài thời gian thi công khiến

cho công trình không thể đưa vào vận hành đúng thời hạn sẽ gây tổn thất lớn về kinh tế.

2- Thiệt hại cho doanh nghiệp thi công.

Việc chậm thanh toán chi phí xây dựng công trình khiến cho nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp thi công không đủ cung cấp và việc vay vốn ngân hàng cũng rất khó khăn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự sinh tồn và phát triển của doanh nghiệp thi công.

3- Là nhân tố gây bất an cho xã hội

Do thiếu vốn xây dựng nên công nhân không được trả lương đúng hạn, cuộc sống của họ không được đảm bảo, sản xuất bị cản trở, gây thiệt hại nghiêm trọng cho sự phát triển của doanh nghiệp, hơn nữa còn nảy sinh các hiện tượng như cố ý ép giá,... Đây không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn liên quan đến vấn đề chính trị và ổn định xã hội.

Nguyên nhân dẫn đến việc chậm thanh toán chi phí xây dựng công trình

a- Nguyên nhân từ phía chủ đầu tư

Chủ đầu tư cùng một lúc triển khai nhiều công trình trong khi năng lực tài chính không đảm bảo dẫn đến việc chiếm dụng vốn và chậm thanh toán cho các nhà thầu.

b- Nguyên nhân từ phía doanh nghiệp thi công

Nhiều doanh nghiệp thi công vì thiếu việc làm đã vội ký hợp đồng mà không nghiên cứu kỹ các điều khoản hay thỏa thuận trong hợp đồng, dẫn đến những bất bình đẳng và rủi ro cao trong quá trình thực hiện hợp đồng.

c- Đối sách để giải quyết vấn đề

Đối mặt với vấn đề chậm thanh toán trong xây dựng đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng như hiện nay, Chính phủ cũng như Quốc Vụ viện Trung Quốc đã ban hành nhiều chính sách cũng như những chế tài để xử lý việc này. Một số biện pháp để hạn chế việc chậm thanh toán chi phí xây dựng được khuyến cáo như sau:

- Thận trọng khi nhận thầu công trình: Cần tìm hiểu rõ tiềm lực và uy tín của chủ đầu tư,

tình hình vốn đầu tư

- Thận trọng khi ký kết hợp đồng

Khi ký hợp đồng với chủ đầu tư cần đảm bảo tính hợp pháp, tính đúng đắn và hoàn chỉnh, tính hiệu quả. Cần nghiên cứu kỹ các điều khoản của hợp đồng, đặc biệt cần giao ước rõ thời gian, phương pháp, khối lượng thanh quyết toán chi phí xây dựng công trình, cùng trách nhiệm đi kèm nếu vi phạm hợp đồng để tránh xảy ra tranh chấp về sau. Lấy “Văn bản hợp đồng mẫu” làm cơ sở, tuân thủ trình tự thẩm định, ký kết hợp đồng nhằm nâng cao hiệu lực pháp luật của hợp đồng.

- Thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết, đồng thời thực hiện quản lý chặt chẽ

Doanh nghiệp thi công cần có ý thức pháp luật khi thực hiện các điều khoản của hợp đồng và dùng hợp đồng để bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp, chú trọng công tác quản lý hợp đồng thi công xây lắp công trình. Ngoài ra cần thận trọng làm tốt công tác ký kết khi thi công như thay đổi thiết kế, hồ sơ các hạng mục ngầm, kiểm tra nghiệm thu chất lượng,... Báo cáo, kỷ yếu hội nghị cùng văn bản ký kết về những thay đổi có liên quan đến công trình cần đưa vào hồ sơ. Cần hoàn chỉnh các hồ sơ hoàn công theo quy định để thuận lợi cho việc thanh quyết toán. Doanh nghiệp thi công cần đảm bảo chất lượng công trình và tiến độ thi công nhằm tránh việc chủ đầu tư đòi bồi thường, đồng thời vin vào lý do đó để chậm thanh toán.

- Quản lý và quy phạm hóa thị trường ngành xây dựng

Không phê duyệt cho các doanh nghiệp đầu tư bất động sản thực hiện các dự án mới khi chưa giải quyết xong vấn đề chậm thanh toán chi phí xây dựng cho các nhà thầu thi công. Tăng cường công tác quản lý năng lực tài chính của các chủ đầu tư trong lĩnh vực bất động sản.

- Tăng cường giám sát quản lý chi phí xây dựng công trình

+ Thực hiện chế độ đảm bảo chi tiêu: Yêu

cầu trong hồ sơ thầu phải quy định điều khoản đảm bảo chi tiêu, đồng thời chịu trách nhiệm nếu vi phạm điều khoản.

+ Thực hiện chế độ tạm ứng theo tiến độ thời gian, theo giai đoạn xây dựng. Bên giao thầu phải chịu trách nhiệm nếu quá hạn thanh toán chi phí xây dựng công trình.

- Nhà thầu có thể dừng thi công công trình nếu bên giao thầu chậm thanh toán chi phí xây dựng công trình như đã thỏa thuận. Sau khi hối thúc nhiều lần nhưng bên giao thầu vẫn không thanh toán được thì bên nhận thầu có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng, bên giao thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Trước khi công trình được nghiệm thu hoàn thành thì bên giao thầu và bên nhận thầu phải hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán, đồng thời trong vòng một tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu xong thì bên giao thầu phải thanh toán hết toàn bộ chi phí còn lại nếu không bên nhận thầu có quyền giữ lại hồ sơ và công trình.

- Giải quyết vấn đề chậm thanh toán chi phí thông qua pháp luật

Trong trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu chi phí xây dựng công trình trong thời gian quá lâu mà hai bên không thể

thỏa hiệp được hoặc nhờ trọng tài kinh tế giải quyết vẫn không được thì nhà thầu có thể đề nghị các cơ quan pháp luật giải quyết phong tỏa tài khoản của chủ đầu tư trong ngân hàng để yêu cầu thanh toán chi phí.

- Đẩy mạnh hoạt động lập pháp và giám sát thực thi pháp luật

Các Bộ ngành của Chính phủ cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xây dựng pháp luật, ban hành các chế tài đối với các hành vi của chủ đầu tư và doanh nghiệp nhận thầu xây dựng. Nghiêm túc điều tra phát hiện các hành vi đấu thầu giả mạo, ký hợp đồng giả, chuyển nhượng thầu và chia thầu trái pháp luật để giữ trật tự thị trường xây dựng.

Nói chung, để thị trường xây dựng vận hành bình thường, bảo vệ sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, đồng thời để tránh ảnh hưởng cho công trình và cho xã hội do vấn đề thiếu vốn đầu tư thì cần lĩnh hội sâu sắc phương châm, chính sách của nhà nước, áp dụng các biện pháp mạnh, cần ngăn chặn ngay từ đầu các dự án không đủ vốn đầu tư nhằm đảm bảo công trình thi công một cách thuận lợi.

ND: Hoàng Đại Hải

Nguồn: <http://yuanlin365.com/construct>

Số lượng về công tác quản lý kế hoạch và tiến độ thi công

Kế hoạch và tiến độ thi công là căn cứ tiến hành các hoạt động kinh tế của đơn vị thi công, công tác quản lý kế hoạch được bắt đầu triển khai từ khi chủ đầu tư cung cấp hồ sơ thiết kế cho đơn vị thi công để chuẩn bị thi công cho đến khi công trình được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Công tác quản lý kế hoạch và tiến độ thi công là việc lập, thực hiện và kiểm tra kế hoạch và tiến độ thi công công trình.

Lập kế hoạch và tiến độ thi công

Khi lập kế hoạch và tiến độ thi công cần chú ý 11 vấn đề sau:

1. Số nhân lực và thiết bị thi công có thể đảm bảo việc thi công đối với số lượng công trình theo đúng kế hoạch.
2. Tính hợp lý và thực tế của trình tự công tác cơ bản.
3. Tính đồng bộ của thiết bị thi công, quy hoạch và trạng thái kỹ thuật.
4. Biện pháp quy hoạch giao thông vận tải.
5. Năng lực của đội ngũ công nhân.
6. Phân tích không gian công tác.
7. Sắp xếp thời gian thanh lý hiện trường, kế hoạch cung ứng vật liệu, nhân lực lao động phải

phù hợp với yêu cầu về kế hoạch và tiến độ thi công.

8. Kế hoạch phân thầu công trình.

9. Kế hoạch công trình tạm thời.

10. Kế hoạch hoàn thành và nghiệm thu công trình.

11. Vấn đề môi trường và kỹ thuật có khả năng ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

Thực hiện kế hoạch tiến độ thi công

Việc thực hiện kế hoạch và tiến độ thi công chính là tiến triển của hoạt động thi công, cũng chính là việc sử dụng kế hoạch và tiến độ thi công để chỉ đạo hoạt động thi công, thực hiện và hoàn thành kế hoạch. Để đảm bảo thực hiện kế hoạch và tiến độ thi công, đảm bảo thực hiện các mục tiêu tiến độ thì bắt buộc phải chú trọng nắm bắt các hạng mục công việc sau:

1. Lập kế hoạch cụ thể, hình thành hệ thống bảo đảm kế hoạch

Toàn bộ kế hoạch và tiến độ thi công của dự án thi công bao gồm: Tổng kế hoạch tiến độ thi công, kế hoạch tiến độ thi công của đơn vị thi công công trình..., kế hoạch tiến độ thi công của các hạng mục công trình. Những kế hoạch này đều xoay quanh một nhiệm vụ chính, khi quán triệt thực hiện thì trước tiên cần kiểm tra tính hài hòa đồng nhất, tính minh bạch của mục tiêu kế hoạch, hình thành một hệ thống đảm bảo thực hiện kế hoạch.

2. Ký kết hợp đồng thầu hoặc biên bản nhiệm vụ thi công

Quản lý dự án, đội ngũ thi công và tổ công tác đều phải ký hợp đồng thầu, xác định hợp đồng quy định, cùng gánh vác trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích kinh tế theo mục tiêu kế hoạch.

3. Bàn giao kế hoạch rõ ràng, toàn diện thực hiện kế hoạch

Giúp các nhân viên có liên quan nắm bắt mục tiêu, nhiệm vụ, phương án và biện pháp thực hiện các hạng mục kế hoạch, giúp đội ngũ quản lý và đội ngũ tác nghiệp hài hòa thống nhất nhằm đưa kế hoạch trở thành hành động tự giác của công nhân viên chức. Trước khi thực hiện kế hoạch cần tiến hành bàn giao kế hoạch rõ ràng.

4. Làm tốt công tác điều chỉnh trong thi công

Công tác điều chỉnh trong thi công là trung tâm chỉ huy hỗ trợ phối hợp, điều chỉnh tiến độ trong các giai đoạn, các khâu, các lĩnh vực chuyên môn, các loại công việc trong tổ chức thi công. Nhiệm vụ chính của công tác điều chỉnh là nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch, điều hòa các mối quan hệ và lựa chọn biện pháp thực hiện, tăng cường hơn tại các khâu còn mỏng yếu, thực hiện cân bằng động thái, đảm bảo hoàn thành kế hoạch công tác và thực hiện mục tiêu tiến độ.

Kiểm tra kế hoạch tiến độ thi công

Để khống chế tiến độ trong tiến trình thực hiện thi công cần thường xuyên, định kỳ theo dõi kiểm tra tình hình tiến độ thi công thực tế.

1. Theo dõi kiểm tra tiến độ thi công thực tế

Đây là biện pháp quan trọng để khống chế tiến độ thi công, mục đích chính là để thu thập các số liệu có liên quan đến thực tế tiến độ thi công. Thông thường mỗi tuần, nửa tháng hay một tháng có thể tiến hành một lần. Nếu trong quá trình thi công chịu sự ảnh hưởng nghiêm trọng của các yếu tố bất lợi như thời tiết, cung ứng tài nguyên,... có thể tạm thời rút ngắn khoảng cách thời gian kiểm tra, đồng thời tăng số lần kiểm tra, thậm chí có thể tiến hành kiểm tra từng ngày, hoặc cử nhân viên đến hiện trường đốc thúc. Thông thường thông qua phương thức báo cáo tiến độ hoặc định kỳ triển khai tổng kết báo cáo tiến độ công tác. Để đảm bảo tài liệu tổng kết chính xác, nhân viên làm công tác khống chế tiến độ cần thường xuyên đến hiện trường theo dõi tiến độ thi công thực tế của dự án nhằm đảm bảo thường xuyên, định kỳ nắm bắt chính xác tiến độ thi công thực tế của dự án.

2. Chỉnh sửa, thống kê số liệu kiểm tra

Cần tiến hành chỉnh sửa số liệu về tiến độ thi công thực tế của dự án đã thu thập được, đồng thời tiến hành thống kê theo kế hoạch khống chế công tác để hình thành số liệu đối chiếu với tiến độ kế hoạch. Thông thường có thể chỉnh sửa và thống kê số liệu kiểm tra thực

tế theo khối lượng công trình thực, khối lượng công việc, khối lượng lao động tiêu hao và tỉ lệ phần trăm tính toán để tiện đối chiếu với lượng kế hoạch hoàn thành.

3. Đối chiếu kế hoạch tiến độ và tiến độ thực tế

Sau khi chỉnh sửa tài liệu thu thập và thống kê số liệu thì tiến hành đối chiếu tiến độ kế hoạch và tiến độ thực tế của dự án thi công thông qua phương pháp so sánh. Phương pháp

so sánh thường dùng gồm có phương pháp so sánh bằng biểu đồ cột, phương pháp so sánh bằng sơ đồ hình chữ S và phương pháp so sánh bằng biểu đồ hình vòng cung,... Kết quả đối chiếu giữa tiến độ kế hoạch và tiến độ thực tế có thể đồng nhất, vượt mức hoặc chậm trễ. Nếu không theo kịp tiến độ kế hoạch cần kịp thời nhanh chóng điều chỉnh.

ND: Hoàng Đại Hải

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Mỹ: Phát triển hệ thống cảm biến không dây nhằm kiểm tra bê tông trong các cây cầu và các kết cấu khác

Công ty Hợp tác Nghiên cứu và ứng dụng Cảm biến (ASR&D) có trụ sở tại Annapolis (Mỹ), đang có kế hoạch phát triển các hệ thống cảm biến không dây cực nhỏ nhằm kiểm tra tình trạng của các công trình công cộng như cầu, đập và đường. Trên cơ sở đó, công ty đã cộng tác với giáo sư tiến sĩ chuyên ngành xây dựng dân dụng Dimitrios Goulias nhằm thử nghiệm các bộ cảm biến đo nhiệt độ, nhân tố chính tác động đến sự ổn định của bê tông trong suốt vòng đời của nó.

Đông cứng tại nhiệt độ không phù hợp có thể khiến bê tông trở nên không bền và rạn nứt, gây mất an toàn và tốn kém chi phí sửa chữa. Ví dụ như khi cải tạo chiếc Cầu Vịnh Chesapeake năm 2002, chính quyền đã phải chi 60 triệu USD cho việc sửa chữa, kể cả việc lát lại bằng bê tông. Theo tờ Bưu điện Oa-sinh-ton, khi mặt đường mới xuất hiện các vết nứt nhỏ, người ta đã phải chi thêm 7 triệu USD cho dự án. Kết quả giám định cho thấy, nhiệt độ dưỡng hộ thấp là nguyên nhân dẫn đến rạn nứt bê tông cầu.

Bà Jacqueline H. Hines, giám đốc công ty ASR&D cho biết, nhiều quy trình giám định chất lượng kết cấu hiện nay, đặc biệt là ở Mỹ, được

thực hiện hoàn toàn thủ công và đòi hỏi nhân lực có chuyên môn cao. Các nhóm kỹ sư phải mất hàng giờ, thậm chí nhiều ngày để leo lên và leo xuống giàn dáo. Hệ thống cảm biến không dây mà công ty đang phát triển sẽ có khả năng giám sát thay đổi bên trong kết cấu một cách liên tục. Ngoài ra, chúng còn có thể kiểm tra sự thay đổi nhiệt độ do các nhân tố môi trường trong suốt vòng đời của kết cấu, hoặc do các vấn đề như cháy nổ, phương tiện lưu thông. Các bộ cảm biến này có tuổi thọ trung bình từ 30 đến 40 năm, thậm chí còn lâu hơn.

Nếu xảy ra cháy hoặc nổ xe bên trong một đường hầm hoặc trên cầu, các bộ cảm biến có thể kiểm tra sức nóng mà bê tông phải chịu. Bê tông trong nhiệt độ cực cao có thể chuyển sang dạng cát và mất đi tình trạng nguyên vẹn của kết cấu.

Các công nhân sẽ gắn các bộ cảm biến bên trong kết cấu trước khi đổ bê tông. Sau đó, các bộ cảm biến sẽ truyền số đo nhiệt độ tới một chương trình phần mềm để đưa ra dự báo về cường độ và các gradien nhiệt. Nhờ đó, công nhân xây dựng có thể sử dụng biện pháp cách nhiệt hoặc đổ nước lạnh lên kết cấu khi bê tông đông cứng để giữ bê tông tại nhiệt độ tối ưu.

Nhóm chuyên gia sẽ nghiên cứu ứng xử của các bộ cảm biến trong các hỗn hợp bê tông khác nhau ở các công trường. Ông Goulias và

ASR&D cũng sẽ xem xét ảnh hưởng của các loại thiết bị xây dựng như cần trục, máy xếp dỡ tới các tính hiệu không dây của hệ thống cảm biến. Theo ông Goulias thì công nghệ này sẽ giúp cho công tác giám sát bê tông tiết kiệm được nhiều chi phí và rất dễ dàng.

Theo Hiệp Hội Các kỹ sư Xây dựng Dân dụng Mỹ (ASCE), trong năm 2003, trên 27% số cầu của Mỹ được đánh giá là không bảo đảm về kết cấu hoặc công năng lạc hậu. Khảo sát năm 2005 của Cục Đường bộ Liên bang chỉ ra rằng, trong số gần 597.000 cây cầu có chiều dài trên 20 feet trên các tuyến đường ở Mỹ thì có trên 50.000 cây cầu không đáp ứng được mức chịu tải, và rất nhiều cầu thiếu biên độ an toàn cho kết cấu phần trên, kết cấu phần dưới và sàn cầu.

Nhiệt độ không chỉ là nhân tố gây hư hỏng bê tông mà các trạng thái ứng suất khác hình thành trong quá trình ăn mòn cốt thép, chấn động và tải trọng giao thông cũng là nguyên nhân quan trọng khác. Bà Hins cho biết, công ty của bà đang nghiên cứu các loại cảm biến khác nhằm kiểm tra các nhân tố trên, kể cả việc sử dụng các thiết bị để cung cấp một liên kết không dây với bề mặt chung bằng các công nghệ cảm biến khác.

<http://www.azobuild.com/>

Trung Quốc thực hiện các biện pháp nhằm thúc đẩy hiệu quả sử dụng đất

Ngày 07/01/2008, Hội đồng Nhà nước Trung Quốc đã ban hành một Thông tư về bảo tồn và thúc đẩy hiệu quả sử dụng đất nhằm bảo vệ đất trồng tốt hơn. Theo Thông tư này, với tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá nhanh chóng như hiện nay, Trung Quốc sẽ phải đối mặt với sự xung đột mạnh mẽ giữa cung và cầu về đất đai, do đó, việc ban hành văn bản này sẽ góp phần tăng cường hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ đất trồng.

Các thống kê chính thức cho thấy, diện tích đất trồng của Trung Quốc đã giảm 4,7 triệu mu (306.700ha) trong năm 2006 xuống còn 1,827

tỷ mu, chỉ trên mức tối thiểu 1,8 tỷ mu mà chính phủ đặt ra. Thông tư này yêu cầu các cơ quan hữu quan phải đề ra các chương trình “hạ tầng kỹ thuật” quy mô lớn, thắt chặt việc phê chuẩn quyền sử dụng đất ở cả thành thị và nông thôn, từng bước kiểm soát thị trường đất đai.

Nếu đất đã được phê duyệt cho mục đích phát triển nhưng sau 02 năm chưa đưa vào sử dụng thì sẽ bị thu hồi theo luật định. Các công ty phát triển đất đai cũng sẽ phải nộp 20% phí không sử dụng nếu để đất trong tình trạng bỏ không từ 1 đến 2 năm.

Theo Thông tư này, trên 70% đất dùng để xây dựng nhà ở đô thị cần được dành cho các mục đích nhà cho thuê giá rẻ, nhà ở thương mại giá rẻ và các căn hộ có diện tích dưới 90m². Do đó, thông tư này sẽ góp phần thúc đẩy nhà ở phù hợp cho các gia đình thu nhập thấp, hạn chế tình trạng giá nhà gia tăng.

Bên cạnh việc ban hành thông tư trên, tháng 11/2007, Trung Quốc đã ban hành chính sách đảm bảo nhà cho thuê giá rẻ nhằm hỗ trợ khoảng 10 triệu gia đình thu nhập thấp tại thành thị có diện tích sinh hoạt dưới 10m²/người, chiếm 5,5% trong tổng số hộ gia đình ở Trung Quốc. Chính sách này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2007.

Trung Quốc cũng đã tăng thuế sử dụng đất trồng đối với các mục tiêu phi nông nghiệp lên gấp 5 lần và thu phí của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài tương tự như các công ty trong nước kể từ 01/12/2007.

<http://news.xinhuanet.com/english>

Trung Quốc sửa đổi luật nhằm tăng “tiền phạt” đối với người gây ô nhiễm nước

Ngày 23/12/2007, các nhà lập pháp Trung Quốc đã thảo luận về sửa đổi dự thảo Luật Kiểm soát và Chống ô nhiễm nước, theo đó, Trung Quốc sẽ tăng đáng kể mức phạt đối với các doanh nghiệp vi phạm nhằm nâng cao trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm.

Dự thảo đã được đưa ra xem xét lần 2 trong

phiên họp ngày 31/12/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc Vụ viện, cơ quan lập pháp của Trung Quốc. Dự thảo đã bãi bỏ hạn chế về mức phạt tối đa đối với các doanh nghiệp thải chất ô nhiễm quá tiêu chuẩn quy định. Các doanh nghiệp sẽ phải nộp phạt tùy theo mức độ nghiêm trọng. Các doanh nghiệp không cải thiện tình hình trong một thời hạn nhất định sẽ phải đóng cửa.

Bản sửa đổi dự thảo cũ được trình lên Quốc Vụ viện xem xét lần đầu hồi tháng 8/2007 đã quy định, lượng chất ô nhiễm thải ra nguồn nước của một nhà máy không được vượt quá giới hạn cho phép theo quy định của quốc gia hoặc địa phương. Đối tượng vi phạm sẽ bị phạt từ 100.000 NDT (13.500 USD) tới 1 triệu NDT. Ủy ban pháp luật của Quốc Vụ viện giải thích, cần áp dụng mức phạt tùy theo mức độ nghiêm trọng của việc vi phạm. Mức phạt quá thấp sẽ không đủ tính răn đe các doanh nghiệp. Các chuyên gia môi trường cho biết, so với lợi nhuận kinh tế mà các công ty gây ô nhiễm thu được thì mức phạt hiện nay chỉ như “muối bỏ bể” đối với nhiều doanh nghiệp.

Theo dự thảo, nạn nhân của vấn đề ô nhiễm được quyền nhận bồi thường của người gây ô nhiễm. Mức bồi thường có thể cao hơn so với mức phạt mà các công ty gây ô nhiễm phải chịu. Sửa đổi dự thảo cũng khuyến khích các tổ chức luật giúp đỡ nạn nhân về mặt pháp lý trong các trường hợp khiếu kiện đòi bồi thường.

Sửa đổi dự thảo cũng đề cập đến việc thành lập một chế độ bồi thường sinh thái cho các nguồn nước sinh hoạt bằng nhiều biện pháp, kể cả việc cam kết thanh toán chuyển khoản cho các khu vực chưa phát triển về mặt kinh tế gần nguồn nước sinh hoạt hoặc thượng nguồn các sông hồ và đập chứa. Biện pháp trên là rất cần thiết nhằm giải quyết xung đột giữa việc bảo vệ nước sinh hoạt và phát triển hạ tầng kinh tế xã hội một cách hiệu quả, do việc kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của con người gần các nguồn nước uống chắc chắn sẽ cản trở sự phát

triển kinh tế và xã hội của các vùng trên.

Mặc dù chế độ này được nhà nước khuyến khích song cần xác định một cách cụ thể phạm vi, đối tượng của chế độ và các phương pháp thực hiện nhằm điều chỉnh các lợi ích giữa bảo vệ sinh thái và xây dựng kinh tế.

SEPA đã nghiên cứu chế độ bồi thường kể từ những năm của thập kỷ 90. Cho đến nay, SEPA đã thực hiện thí điểm các chương trình thu phí bồi thường sinh thái ở 24 khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia ở 685 huyện thuộc 11 tỉnh của Trung Quốc. Tháng 9/2007, SEPA đã ban hành một văn bản, theo đó chính phủ sẽ triển khai một chương trình thí điểm về chế độ bồi thường sinh thái quốc gia đối với các khu bảo tồn thiên nhiên, các nguồn khoáng sản và các sông hồ trên toàn Trung Quốc.

Các nỗ lực nhằm bảo vệ môi trường nước sẽ được coi là thước đo thành tích của chính phủ. Chính quyền các địa phương cần đặt ra chiến lược bảo vệ môi trường nước và có tổng kết đánh giá. Thất bại hoặc thành công khi triển khai các chiến lược môi trường sẽ là thước đo quan trọng trong việc đánh giá thành tích của chính quyền địa phương.

Ô nhiễm nước là một trong những mối quan tâm về môi trường lớn nhất đối với cả chính phủ và người dân. Một cuộc khảo sát năm 2006 cho thấy nước mặt của Trung Quốc bị ô nhiễm ở mức trung bình. 1/3 trong số 744 mẫu thử ở mức “V” – mức ô nhiễm cao nhất. Theo các thống kê, SEPA đã xử lý 161 vấn đề ô nhiễm môi trường khẩn cấp trong năm 2006, trong đó 59% liên quan tới ô nhiễm nước.

<http://news.xinhuanet.com.english>

Mối quan hệ giữa trạng thái ứng suất và sự biến dạng của bê tông bị hư hỏng do băng giá dưới tải trọng mới

Tạp chí Vật liệu trong Xây dựng Dân dụng (Mỹ), tháng 1/2008

Tác giả: Muttagin Hasan (1), Tamon Ueda (2) và Yasuhiko Sato (3)

(1) Giảng viên Đại học, Khoa Xây dựng Dân dụng, Bộ môn Công trình, Đại học Syiah Kuala, Indonesia. E-mail: hasan_muttaqin@yahoo.co.id

(2) Giáo sư, Chuyên ngành Môi trường Xây dựng, Trường Đại học Hokkaido, Nhật Bản. E-mail: ueda@eng.hokudai.ac.jp

(3) Phó giáo sư, chuyên ngành Môi trường Xây dựng, Đại học Hokkaido, Nhật Bản. E-mail: ysato@eng.hokudai.ac.jp

Nghiên cứu này phát triển mô hình về quan hệ giữa trạng thái ứng suất và sự biến dạng khi nén bê tông bị hỏng do băng giá dưới tải trọng môi. Các mẫu thử bê tông được chuẩn bị và trải qua các chu kỳ đóng băng – tan băng dưới tải trọng môi và tải trọng tĩnh. Các biến dạng thu được trong thử nghiệm đóng băng – tan băng cũng như trong thử nghiệm tải trọng cơ học đã được đo lường cẩn thận. Kết quả nghiên cứu cho thấy, độ bền tĩnh và tuổi thọ môi của bê tông giảm do tăng biến dạng kéo trong môi

trường băng giá. Mô hình trạng thái ứng suất – biến dạng đối với bê tông bị hỏng do băng giá dưới tác động của tải trọng tĩnh và tải trọng môi dựa trên sự suy giảm độ cứng ban đầu cũng được giới thiệu trong nghiên cứu. Sự suy giảm độ cứng ban đầu đối với bê tông bị hư hỏng được trình bày như một hàm số giãn nở do tác động của các chu kỳ đóng băng – tan băng. Biến dạng dẻo dưới tác động của tải trọng cơ học tĩnh và môi của bê tông hỏng cao hơn so với bê tông thường. Do đó, biến dạng dẻo đối với bê tông hỏng được hình thành không chỉ do sự biến dạng dưới tải trọng cơ học mà còn do tác động của băng giá. Nghiên cứu còn giới thiệu các nhân tố độ cứng dẻo tải và chất tải lại nhằm giải thích sự thay đổi của độ cứng do tăng số lượng chu kỳ chịu tải trong môi trường băng giá.

<http://ascelibrary.aip.org>

ND: Nguyễn Hồng Trang

LỄ KỶ NIỆM 5 NĂM TẠP CHÍ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÀ HỘI XUÂN KIẾN TRÚC SƯ 2008

Ngày 22 tháng 2 năm 2008



Đ/c Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Ngọc Chính phát biểu tại buổi Lễ



Đ/c Ngô Trung Hải - Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch ĐT-NT, Tổng Biên tập Tạp chí Quy hoạch xây dựng đọc diễn văn kỷ niệm 5 năm Tạp chí QHXD